

KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 6

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume VI

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “TÙY-HỖ CÔNG-ĐỨC” THỨ MƯỜI TÁM

1. Lúc bảy giờ, Ngài Di-
Lặc Bồ-Tát bạch Phật
rằng: “Thế-Tôn! Nếu có
thiện-nam-tử, thiện-nữ-
nhơn nào nghe kinh

Rejoicing in Accord with Merit and Virtue Chapter 18

1. At that time, Maitreya
Bodhisattva Mahasattva spoke to
the Buddha, saying, “World
Honored One, if a good man or a
good woman hears this Dharma



Pháp-Hoa này mà tùy hỷ
đó, được bao nhiêu
phước đức? Liền nói kệ
rằng:

Sau khi Phật diệt
độ
Có người nghe kinh này
Nếu hay tùy hỷ đó (1)
Lại được bao nhiêu
phước?”

Flower Sutra and rejoices in
accord with it, how much
blessedness will he or she attain?”
He then spoke this verse:

“After the World Honored One’s
ultimate quiescence,
If one hears this Sutra,
And can accordingly rejoice,
How much blessedness will he
gain?”



2. Khi đó Phật bảo ngài Di-Lặc Bồ-Tát rằng: A-Dật-Đa! Sau khi Như-Lai diệt độ nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và người trí khác, hoặc lớn, hoặc nhỏ nghe kinh này mà tùy hỷ rồi, từ trong pháp hội ra đến chỗ khác, hoặc tại tăng phòng, hoặc chỗ vắng

2. The Buddha then told the Bodhisattva Mahasattva Maitreya, “Ajita! After the passing into Stillness of the Thus Come One, if a Bhikshu, Bhikshuni, Upasaka, Upasika, or any person with wisdom, whether young or old, having heard this Sutra and rejoiced accordingly, leaves the Dharma assembly and goes to another place, be it a Sangha dwelling or an uninhabited place, a



vẻ, hoặc thành ấp, đường
xá, xóm làng, ruộng rẫy,
đem pháp đúng như chỗ
đã nghe mà vì cha mẹ
tôn thân, thiện hữu tri
thức tùy sức diễn nói.
Các người đó nghe rồi
tùy hỷ lại đi truyền dạy
người khác, người khác
nghe rồi cũng tùy hỷ
truyền dạy, xoay vần
như thế đến người thứ

city, a street, a town, or a village,
and expounds it according to the
best of his ability to his father,
mother, relatives, good friends,
and acquaintances, and if, having
heard it, they then rejoice in accord
with it and further transmit the
teaching to others who, having
heard it, rejoice in accord and
likewise transmit it, and this
process goes on reaching to fifty
people



năm mươi.

3. A-Dật-Đa! Công đức tùy hỷ của thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn thứ năm mươi đó, ta nay nói, ông phải lắng nghe.

Nếu có trăm muôn ức vô số thế giới có sáu đường chúng sanh trong bốn loài sanh (2): noãn sanh,

3. Ajita, I will now tell you about the merit and virtue of that fiftieth good man or good woman who rejoices in accord. Listen well!”

“Suppose in four million kotis of asamkhyeyas of worlds, among living beings in the six destinies and of the four kinds of birth—



thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hoặc có hình, không hình, có tướng, không tướng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, tất cả trong số chúng sanh như thế, có người cầu phước tùy theo đồ ưa thích của chúng muốn đều cung

egg-born, womb-born, moisture-born, and transformation-born—those with form, those without form, those with thought, those without thought, those with neither thought nor non-thought, those without legs, those with two legs, those with four legs, those with many legs, and so forth, there is a person seeking blessings who gives to them whatever enjoyable things they desire, giving each



cấp cho đó. Mỗi mỗi chúng sanh cho các trân bảo tốt: vàng, bạc, lưu ly, xa-cừ, mã-nã, san-hô, hổ-phách đầy cả Diêm-phù-đề và voi, ngựa, xe cộ, bảy báu làm thành những cung điện lầu gác v.v...

Vị đại thí chủ đó bố thí như thế đủ tám mươi

being an entire Jambudvipa full of gold, silver, lapis lazuli, mother-of-pearl, carnelian, coral, and amber, rare and precious gems, as well as elephants, horses, carriages, palaces, and pavilions made of the seven treasures.”

“This great almsgiver in this way bestows gifts for a full eighty



năm rồi mà nghĩ rằng:
“Ta đã ban cho chúng
sinh những đồ ưa thích
tùy theo ý muốn, những
chúng sinh này đều đã
già suy tuổi quá tám
mươi, tóc bạc mặt nhăn
gần chết chẳng lâu, ta
phải dùng Phật Pháp mà
dạy bảo dìu dắt chúng”.

Liền nhóm chúng sinh

years. Then he thinks, ‘I have
already given living beings these
enjoyable things in accord with
their desires. However, these
living beings are old and worn out,
over eighty years old, with white
hair and wrinkled faces. Their time
of death is not far off. I should
instruct and guide them with the
Buddhadharma.’”

“He then gathers the beings



đó tuyên bày pháp giáo hóa, chỉ dạy lợi ích vui mừng.

Đồng thời được đạo Tu-đà-hoàn, đạo Tu-đà-hàm, đạo A-na-hàm, đạo A-la-hán dứt hết cả hữu lậu, với những thiền định sâu đều được tự tại, đủ tám món giải thoát.

together and expounds the Dharma to them to instruct them, bringing to them benefit and delight so that they all at once gain the path of Srotaapanna, the path of Sakridagamin, the path of Anagamin, and the path of Arhatship, exhausting all outflows, obtaining comfort in all of the deep Dhyana concentrations, and perfecting the eight liberations.”



Ý ông nghĩ sao? Công đức của vị đại thí chủ đó được, có nhiều chăng?

Ngài Di-Lặc bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Công đức của người đó rất nhiều vô lượng vô biên. Nếu vị thí chủ đó chỉ thí tất cả đồ ưa thích cho chúng sanh công đức đã vô lượng rồi, huống là

“What do you think? Would the merit and virtue of this great almsgiver be great or not?”

Maitreya said to the Buddha, “World Honored One, this person’s merit and virtue would be extremely great, measureless, and unbounded. If the almsgiver had only given the beings all the playthings, his merit and virtue would be unlimited. How much



làm cho đều được quả
A-la-hán”.

Phật bảo ngài Di-Lặc:
“Ta nay rành rẽ nói cùng
ông, người đó đem tất cả
đồ vui thích thí cho sáu
đường chúng sanh trong
bốn trăm ức vô số thế
giới lại khiến được quả
A-la-hán, công đức của

more would it be if he enabled
them to attain the fruit of
Arhatship!”

The Buddha told Maitreya, “I will
now tell you plainly: The merit
and virtue obtained by this person,
who gives playthings to living
beings in the six paths in four
million kotis of asamkhyeyas of
worlds and who further causes
them to obtain the fruit of



người đó được chẳng
bằng công đức của người
thứ năm mươi kia nghe
một bài kệ kinh Pháp-
Hoa mà tùy hỷ, trăm
phần nghìn phần, trăm
nghìn muôn ức phần
chẳng bằng một phần,
nhấn đến tính, đếm, thí
dụ không thể biết được”.

Arhatship, does not equal the merit
of the fiftieth person who hears but
a single verse of the Dharma
Flower Sutra and rejoices in
accord with it. His merit does not
equal a hundredth part, a
thousandth part, a hundred
thousand myriads millionth part,
and so forth until it cannot be
known by resort to calculation or
analogy.”



A-Dật-Đa! Người thứ năm mươi như thế, xoay vần nghe kinh Pháp-Hoa, công đức tùy hỷ còn vô lượng vô biên a-tăng-kỳ, huống là người tối sơ ở trong hội nghe kinh mà tùy hỷ,

phước đó lại hơn vô lượng vô biên a-tăng-kỳ

“Ajita! The merit and virtue of the fiftieth person who hears in his turn the Dharma Flower Sutra and who rejoices in accord with it is limitless, boundless, and uncountable. How much more is the merit and virtue of one who is among the first to hear it in the assembly and who rejoices in accord with it. That person’s blessings are even more supreme, unlimited, unbounded, and



không có thể sánh được.

4. Lại A-Dật-Đa! Nếu có người vì kinh này mà qua đến tăng phòng, hoặc ngồi, hoặc đứng, trong chốc lát nghe nhận, nhờ công đức đó chuyển thân sanh ra được voi, ngựa, xe cộ, kiệu, cang bằng trân bảo tốt đẹp bậc thượng và được ở thiên

uncountable beyond comparison.”

4. “Further, Ajita, if a person for the sake of this Sutra goes to a Sangha dwelling and, whether sitting or standing, hears and accepts it for but an instant, by reason of that merit and virtue, in his next rebirth he will acquire the finest elephant and horse carriages and jeweled palanquins, and will even ride in heavenly palaces.”



cung.

Nếu có người ngồi trong chỗ giảng pháp, sau lại có người đến bèn khuyên mời ngồi nghe, hoặc chia chỗ cho ngồi, công đức của người đó chuyển thân được chỗ ngồi của Đế-Thích hoặc chỗ ngồi của Phạm-vương, hoặc chỗ ngồi của Chuyển-luân-thánh-vương.

“Again, if a person is seated in a place where the Dharma is being lectured, and when another person comes along, he encourages that person to sit and listen to it or shares his seat with him, the former person will, through his merit and virtue, in his next rebirth gain the seat of Shakra, the seat of a Brahma King, or the seat of a wheel-turning sage king.”



5. A-Dật-Đa! Nếu lại có người nói với người khác rằng: “Có kinh tên Pháp-Hoa nên cùng nhau qua nghe”. Liền nhận lời bảo nhân đến nghe trong giây lát, công đức của người đó, chuyển thân được với Đà-la-ni Bồ-Tát, sanh chung một chỗ, căn tánh lanh lợi, có trí huệ,

5. “Ajita! If, further, a person says to another, ‘There is a Sutra by the name of Dharma Flower. Let’s go together and listen to it,’ and taking that person’s advice, the second person goes and hears it for but a moment, the former person’s merit and virtue will be such that in his next life he will be born in the same place as the Dharani Bodhisattva. He will have keen faculties and wisdom.”



trăm nghìn muôn đời,
trợn chẳng ngọng câm,
hơi miệng chẳng hôi,
lưỡi thường không bệnh,
miệng cũng không bệnh,
răng chẳng đen dơ,
chẳng vàng, chẳng thưa,
cũng chẳng thiếu rụng,
chẳng so le, chẳng sêu
gãy, môi chẳng trót,
cũng chẳng rút túm,
chẳng thô rít, chẳng ghẻ

“For one hundred thousand myriad lifetimes he will never be mute, his breath will not stink, his tongue will always be free from disease, and his mouth will also be free from disease. His teeth will not be dirty, black, yellow, or wide-spaced, not missing or falling out, not uneven or crooked. His lips will not be pendulous, twisted or pursed, rough, chapped, or covered with sores, or split. They will not



mụn, cũng chẳng sứt hư,
cũng chẳng cong vẹo,
chẳng dày chẳng lớn,
cũng chẳng đen nám,
không có các tướng đáng
chê.

Mũi chẳng xẹp giẹp,
cũng chẳng cong gãy,
sắc mặt chẳng đen,
chẳng hẹp dài, cũng

be askew, thick or large, or black,
and there will be nothing repulsive
about them. His nose will not be
flat, thin, crooked, or out of joint.
His complexion will not be dark,
thin, concave, or crooked, or in
any way unpleasant.”

*His nose will not be too broad or
flat or crooked or too highly
arched. His face will not be
swarthy, nor will it be long and*



chẳng hóm gầy,
không có tất cả tướng
chẳng đáng ưa, môi lưỡi
răng nướu thảy đều
ngghiêm tốt, mũi lớn cao
thẳng, diện mạo tròn
đầy, mày cao mà dài,
trán rộng bằng thẳng,
tướng người đầy đủ,

*narrow, or sunken and distorted.
He will not have a single
unsightly feature. His lips, tongue
and teeth will all be handsomely
proportioned. His nose will be
long and high, his face round and
full, his eyebrows long and set
high, his forehead broad, smooth,
and well shaped, endowed with all
the features proper to a human
being.*



đời đời sanh ra thấy
Phật, nghe pháp tin nhận
lời dạy bảo.

A-Dật-Đa! Người hãy
xem khuyên nơi một
người khiến qua nghe
pháp mà công đức như
thế, huống là một lòng
nghe, nói, đọc, tụng, lại
ở trong đại chúng vì

“In life after life, wherever he is
born he will see the Buddhas, hear
the Dharma, and believe and
accept the teachings.”

“Ajita, look at this: If the merit and
virtue gained from exhorting a
single person to go listen to the
Dharma is such as this, how much
greater is that of one who single-
mindedly listens to the teachings,
reads and recites them, and in the



người phân biệt, đúng như lời dạy mà tu hành.

Khi đó, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Nếu người trong pháp hội

Được nghe kinh điển này
Nhận đến một bài kệ

great assembly explains them in detail to others, and cultivates accordingly.”

At that time the World Honored One, wishing to restate this meaning, spoke verses, saying,

6. “Suppose a person in the Dharma assembly

Gets to hear this Sutra,
Even just a single verse,



Tùy hỷ vì người
nói
Xoay vần dạy như thế
Đến người thứ năm
mười
Người rốt sau được
phước
Nay sẽ phân biệt đó.
Như có đại thí chủ
Cung cấp vô lượng
chúng
Đầy đủ tám mươi năm

And rejoices in accord, and speaks
it to others,
And thus the teaching is passed on
Until it reaches the fiftieth hearer.

The blessings gained by this last
person
I will now set forth in detail.
Suppose there is a great almsgiver
Who presents gifts to uncountable
multitudes,
For a full eighty years.



Tùy ý chúng ưa muốn
Thấy chúng: Tướng già
suy
Tóc bạc và mặt
nhăn
Răng thưa, thân khô
gầy
Nghĩ họ sắp phải
chết
Ta nay phải nên dạy
Cho chúng được đạo
quả

Of all the things they desire,
Seeing them old and worn,

With white hair and wrinkled
faces,
Their teeth sparse, their bodies
withered,
He thinks, “They will die before
long.
I should now instruct them,
That they may obtain the Fruit of
the Path.”



Liền vì phương tiện
nói

Pháp Niết-bàn chân thật
Đời đều chẳng bền chắc
Như bọt bóng ánh
năng

Các người đều nên phải
Mau sanh lòng nhàm
lìa.

Các người nghe pháp
đó
Đều được A-la-hán

Then he expediently explains to
them

The true Dharma of Nirvana:

“The world is not a secure place.
It’s like foam, water bubbles, or a
will-o’-the-wisp.

All of you should quickly
Produce thoughts of revulsion for
it.”

The people, on hearing the
Dharma,
All attain Arhatship,



Đầy đủ sáu thần
thông

Ba minh tám giải
thoát.

Người năm mươi rớt sau

Nghe một kệ tùy
hỷ

Người này phước hơn
kia.

Không thể thí dụ
được

Perfect the Six Spiritual
Penetrations,

The Three Clarities, and the Eight
Liberations.

The last, fiftieth, person,

Who has heard a single verse and
rejoiced in accord with it,

Gains blessedness which exceeds
that of the former,

Beyond the power of analogy to
express.



Xoay vần nghe như
thế.
Phúc đó còn vô lượng
Huống là trong pháp
hội
Người tùy hỷ ban đầu.
Nếu có khuyên một
người
Đắt đến nghe
Pháp-Hoa
Rằng: Kinh này rất
mầu

If the blessedness of the one who
hears it in turn
Is so unlimited,
How much greater is that of he
who, in the assembly,
Was the first to hear it and rejoice.
Suppose a person exhorts another

And leads him to listen to the
Dharma Flower,
Saying, “This Sutra is profound
and wonderful,



Nghìn muôn kiếp khó
gặp
Liên nhận lời qua
nghe
Nhấn đến nghe giây
lát
Phước báo của người
đó
Nay nên phân biệt nói.
Đời đời miệng không
bệnh

Hard to encounter in a thousand
myriad eons,”
And suppose that person,
persuaded, goes to listen,
And hears it for even just a
moment.
Of the reward of blessings of the
first person,
I will now speak in detail.
Life after life, his mouth will have
no illness.



Răng chẳng thừa, vàng,
đen,
Môi chẳng dày teo
thiếu
Không có tướng đáng
chê.
Lưỡi chẳng khô đen
ngắn
Mũi cao lớn mà
ngay
Trán rộng và bằng
phẳng

His teeth will not be wide-spaced,
yellow, or black.

His lips will not be thick, pursed,
or split,

Nor will he have any repulsive
marks.

His tongue will not be dry, black,
or short.

His nose will be prominent, long,
and straight.

His forehead will be broad and
even,



Mặt mắt đều đoan
nghiêm
Được người thấy ưa
mến
Hơi miệng không hôi
nhờ
Mùi thơm hoa
ưu-bát
Thường từ trong miệng
ra.
Nếu cô đến tăng phường

His visage upright and splendid,
So that all will rejoice upon seeing
him.
His breath will never stink,
But the fragrance of the utpala
flower
Will always issue from his mouth.
If he goes to a Sangha dwelling



Muốn nghe kinh Pháp-
Hoa

Giây lát nghe vui
mừng
Nay sẽ nói phước đó:
Sau sanh trong trời
người
Được voi, ngựa, xe
tốt
Kiệu, cang, bằng trân
báu,

Wishing to hear the Dharma
Flower Sutra

And, hearing it for but a moment,
then rejoices,
I will now tell of his blessings.
He shall later be born among gods
and humans,
Acquire fine elephant and horse
carriages and
Precious, jeweled palanquins



Cùng ở cung điện
trời.

Nếu trong chỗ giảng
pháp
Khuyến người ngồi nghe
kinh
Nhân vì phước đó
được
Tòa Thích, Phạm,
Chuyển Luân

And will even ride in heavenly
palaces.

If, in a place where the Sutra is
lectured,
He encourages another to sit down
and listen,
By virtue of his blessings, he will
gain
The seat of Shakra, Brahma, or a
wheel-turning king.



Huống là
một
lòng nghe
Giải nói nghĩa thú kinh
Đúng như pháp mà tu
Phước đó chẳng lường
được.

How much greater will the
blessings be of one who single-
mindedly listens
And explains the Sutra's meaning,
Cultivating it as he preaches—
His blessings shall know no limit.”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 6

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume VI

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:



- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>
- [*italic*] in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “PHÁP-SU
CÔNG-ĐỨC” THỨ
MƯỜI CHÍN

1. Lúc bảy giờ, Phật bảo ngài Thường-Tinh-Tấn đại BỒ-Tát rằng: “Nếu có

The Merit and Virtue of a Dharma
Master
Chapter 19

1. At that time the Buddha told the Bodhisattva, Mahasattva, Ever Vigorous, “If a good man or a



thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn thọ trì kinh Pháp-Hoa này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người đó sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một nghìn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một nghìn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân,

good woman receives and upholds The Dharma Flower Sutra, whether reading, reciting, explaining it to others or writing it out, that person will obtain eight hundred meritorious virtues of the eyes, twelve hundred meritorious virtues of the ears, eight hundred meritorious virtues of the nose, twelve hundred meritorious virtues of the tongue, eight hundred meritorious virtues of the



một nghìn hai trăm công đức nơi ý, dùng những công đức này trang nghiêm sáu căn đều được thanh tịnh.

Thiện-nam-tử và thiện-nữ-nhơn đó, nhục nhãn thanh tịnh của cha mẹ sanh ra, thấy khắp cõi tam-thiên đại-thiên, trong ngoài có những núi,

body, and twelve hundred meritorious virtues of the mind. By means of these meritorious virtues he adorns his six faculties, causing them all to become pure.”

“This good man or woman, thus purifying the ordinary physical eyes which he or she was endowed with at birth, will see throughout the thousand cubed world system, inside and out, all



rừng, sông, biển, dưới
đến địa ngục A-tỳ, trên
đến cõi trời Hữu-Đảnh,
cũng thấy tất cả chúng
sinh trong đó và nghiệp
nhân duyên quả báo chỗ
sinh ra thấy đều thấy
biết. Khi đó, đức Thế-
Tôn muốn tuyên lại
nghĩa trên mà nói kệ
rằng:

the mountains, forests, rivers and
seas, below to the Avici hells and
above to the peak of existence.
Such a person will also see all the
living beings therein, as well as
their karmic causes and
conditions, rewards or
retributions, and places of birth.
All of this he will see and know.”
At that time the World Honored
One, wishing to restate this
meaning spoke verses, saying,



2. Nếu người ở trong
chúng
Dùng tâm không sợ sệt
Nói kinh Pháp-Hoa
này
Ông nghe công đức
đó
Người đó được tám
trăm
Công đức thù thắng
nhân

2. “If, within the Great Assembly,
With a heart free of fear,
One speaks this Dharma Flower
Sutra,
Listen to me tell of his merit and
virtue:
This person shall gain eight
hundred
Supreme meritorious virtues of the
eyes,



Do dùng dây trang
nghiem

Mắt kia rất thanh
tinh.

Mắt thịt cha mẹ
sinh

Thấy cả cõi tam
thiên

Trong ngoài núi Di-lâu
Núi Tu-di, Thiết-vi

And because of this adornment,

His eyes shall be very clear and
pure.

With the eyes given him from
birth,

He shall see throughout the
thousand cubed world system,
Inside and out, Mount Meru,
Sumeru, and the Iron Ring Range,



Và các núi rừng
khác
Biển lớn nước sông
ngòi
Dưới đến ngục A-tỳ
Trên đến trời Hữu-Đảnh
Chúng sanh ở trong đó
Tất cả đều thấy rõ
Dầu chưa được thiên
nhãn
Sức nhục nhãn như
thế.

As well as the other mountains
and forests,
The waters of the great seas,
rivers, and streams,
Below to the Avici hell,
Above to the peak of existence,
And all the living beings within--
All of this he shall completely see.
Although he has not yet gained the
Heavenly Eye,
His flesh eyes will have powers
like these.”



3. Lại nữa, Thường-Tinh-Tấn! Nếu (có) người thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc biên chép, hoặc giải nói, được một nghìn hai trăm nhĩ công đức, dùng tai thanh tịnh đó, nghe khắp cõi tam thiên, dưới đến địa-ngục vô

3. “Furthermore, Ever-Vigorous, if a good man or a good woman receives and upholds this Sutra, whether reading it, reciting it, explaining it to others, or writing it out, that person will obtain twelve hundred meritorious virtues of the ears.

With his pure ears he will hear throughout the thousand cubed world system, inside and out,



gián, trên đến trời Hữu-
Đảnh, trong ngoài các
thứ lời lẽ giọng tiếng.

Tiếng voi, tiếng ngựa,
tiếng xe, tiếng trâu, tiếng
khóc la, tiếng buồn than,
tiếng ốc; tiếng trống,
tiếng chuông, tiếng linh,
tiếng cười, tiếng nói,
tiếng trai, tiếng gái, tiếng
đồng-tử, tiếng đồng-nữ,

below to the Avici hell and above
to the peak of existence, all the
various sounds of speech,

sounds of elephants, sounds of
horses, sounds of cows, sounds of
carriages, sounds of sobbing,
sounds of sighing, sounds of
conches, sounds of drums, sounds
of gongs, sounds of bells, sounds
of laughter, sounds of speech,
sounds of men, sounds of women,



tiếng pháp, tiếng phi
pháp, tiếng khổ, tiếng
vui, tiếng phàm phu,
tiếng thánh nhân, tiếng
đáng ưa, tiếng chẳng
đáng ưa, tiếng trời, tiếng
rồng, tiếng Dạ xoa, tiếng
Càn thất bà, tiếng A tu la,
tiếng Ca lâu la, tiếng
Khẩn na la, tiếng Ma hầu
la dà,

sounds of young boys, sounds of
young girls, sounds of Dharma,
sounds of non Dharma, sounds of
suffering, sounds of happiness,
sounds of common people, sounds
of sages, sounds of happiness,
sounds of unhappiness, sounds of
gods, sounds of dragons, sounds
of yakshas, sounds of gandharvas,
sounds of asuras, sounds of
garudas, sounds of kinnaras,
sounds of mahoragas,



tiếng lửa, tiếng nước,
tiếng gió, tiếng địa-
ngục,
tiếng súc sanh, tiếng ngựa
quỷ,
tiếng Tỳ-kheo, tiếng Tỳ-
kheo-ni, tiếng Thanh-
văn,
tiếng Bích-chi-Phật,
tiếng Bồ-Tát, tiếng Phật.

sounds of fire, sounds of water,
sounds of wind, sounds of the
hells,
sounds of animals, sounds of
hungry ghosts,
sounds of Bhikshus, sounds of
Bhikshunis, sounds of Sound
Hearers,
sounds of Pratyekabuddhas,
sounds of Bodhisattvas, and
sounds of Buddhas.



Nói tóm đó, trong cõi tam-thiên đại-thiên, tất cả trong ngoài có các thứ tiếng, dầu chưa được thiên nhĩ dùng tai tầm thường thanh tịnh của cha mẹ sanh thấy đều nghe biết, phân biệt các thứ tiếng tầm như thế, mà chẳng hư nhĩ căn.

Lúc đó, đức Thế Tôn

In general, although he has not yet obtained the Heavenly Ear, he can, by using the pure ordinary ear given him from birth, hear and know whatever sounds there may be inside and outside the thousand cubed world system. In this way he distinguishes between all the various sounds and still his ear organ is not harmed.”

At that time the World Honored



muốn tuyên lại nghĩa trên
mà nói kệ rằng:

4. Tai cha mẹ sanh ra
Trong sạch không đục
nhơ

Dùng tai thường này
nghe

Cả tiếng cõi tam
thiên

Tiếng voi, ngựa, trâu,
xe

One, wishing to restate this
meaning, spoke verses saying,

4. “The ears on his physical body
Are pure and without filth.

With his ordinary ears he hears

Sounds of the thousand cubed
world system,

Sounds of elephants, horses,
carriages and cows,



Tiếng chung linh loa cổ
Tiếng cầm, sắc, không
hầu

Tiếng ống tiêu, ống địch
Tiếng ca hay thanh tịnh
Nghe đó mà chẳng
ham.

Tiếng vô số giống
người

Nghe đều hiểu rõ được
Lại nghe tiếng các
trời

Gongs, bells, conches and drums,
Sounds of lutes and harps,

Sounds of pipes and flutes, and
Sounds of clear, fine chants.

He hears these, but is not attached
to them.

Hearing sounds of countless kinds
of people,

He can understand them all.

He also hears the sounds of the
gods--



Tiếng ca rất nhiệm
mầu

Và nghe tiếng trai,
gái,
Tiếng đồng-tử, đồng-
nữ

Trong núi sông hang
hiểm

Tiếng Ca-lăng-tần-dà

Cộng-mạng các chim
thả

Their subtle, elegant voices raised
in song.

He also hears the sounds of men
and women,

The sounds of young boys and
girls,

As well as the Kalavinka sound

Coming from the mountains,
streams, and deep ravines.

*Of the Jiva -jivaka and other
birds,*



Đều nghe tiếng của nó.

Địa ngục các đau
đớn

Các thứ tiếng độc
khổ

Ngạ quỷ đói

khát

bức

Tiếng tìm cầu uống

ăn

He hears all the sounds

The bedlam of misery and pain in
the hells--

The sounds of all the tortures
there.

He hears the sounds of hungry
ghosts, driven by hunger and by
thirst,

As they seek for food and drink,
and



Các hàng A-tu-la
Ở nơi bên biển lớn
Lúc cùng nhau nói năng
Vang ra tiếng tăm lớn
Như thế người nói
pháp
An trụ ở trong đây
Xa nghe các tiếng đó
Mà chẳng hư nhĩ
căn
Trong cõi nước mười
phương

By all of the asuras
As they dwell beside the sea
Bickering among themselves.
The mighty roar put forth
In this way, one who speaks the
Dharma,
Can dwell securely there and hear
The faraway multitude of sounds,
And yet there is no damage to his
ear.
Throughout all the ten directions,



Cầm thú kêu hô
nhau

Người nói kinh Pháp-
Hoa

Ở đây đều nghe đó

Trên các trời Phạm-
Thế

Quang-Âm cùng Biến-
Tịnh

Nhấn đến trời Hữu-
Đảnh

Birds and beasts cry out to one
another.

The one who speaks the Dharma,

Can hear them one and all.

As for the sounds and speech of
the Brahma gods

The Light Sound gods and those
of Perfect Purity,

Up to the Heaven at the Peak of
Existence,



Tiếng tăm của kia
nói

Pháp-sư ở nơi
đây
Thấy đều được nghe đó.

Tất cả chúng Tỳ-kheo
Và các Tỳ-kheo-ni
Hoặc đọc tụng kinh điển,
Hoặc vì người khác nói
Pháp-sư ở nơi đây

*The sounds of the voices talking
there*

The Dharma Master here in the
world
Can hear them one and all.

All the Bhikshus
and Bhikshunis,
Reading or reciting Sutras,
Or explaining them for others--
The Dharma Master dwelling here



Thấy đều được nghe đó.
Lại có các Bồ-Tát
Đọc tụng nơi kinh
pháp
Hoặc vì người khác nói
Soạn tập giải nghĩa
kinh
Các tiếng tăm như thế
Thấy đều được nghe đó.

Các Phật đấng Đại-
Thánh

Can hear them one and all.
Further, all the Bodhisattvas,
Reading or reciting this Sutra-
dharma,
Or speaking it to others,
Or compiling commentaries on its
meaning,
All such sounds as these,
He hears in detail.

All the Buddhas, great sagely
honored ones,



Giáo hóa hàng chúng
sanh

Ở trong các đại
hội

Diễn nói pháp nhiệm
mầu

Người trì Pháp-Hoa
này

Thảy đều được nghe đó.

Cõi tam-thiên đại-
thiên

Teaching and transforming beings

In the midst of the great
assemblies,

Expounding upon the subtle,
wondrous Dharma,

Can be heard by one who holds
The Dharma Flower.

All the sounds, inside and out,
In the thousand cubed world
system,



Các tiếng tăm trong
ngoài

Dưới đến ngục A-tỳ (3)
Trên đến trời Hữu-Đảnh
(4)

Đều nghe tiếng tăm kia
Mà chẳng hư nhĩ căn

Vì tai kia sáng lẹ
Đều hay phân biệt biết
Người trì kinh Pháp-
Hoa

*All the sounds in the inner and
outer parts*

Below to the Avici hell,
And above to the Heaven of the
Peak of Existence--
Can each and every one be heard
And still his ear is not harmed.

Since his ears are keen and sharp,
He can discern them one and all.
The one who upholds The Dharma
Flower,



Dầu chưa được thiên
nhĩ
Chỉ dùng tai sanh
ra

Công đức đã như
thế.

5. Lại nữa, Thường-
Tinh-Tấn! Nếu có thiện-
nam-tử, thiện-nữ-nhơn,
thọ trì kinh này, hoặc
đọc, hoặc tụng, hoặc giải

Although he has not yet gained the
Heavenly Ear,
Merely using the ears he was born
with,

Already has meritorious virtues
such as these.”

5. “Further, Ever-Vigourous, if a
good man or a good woman
receives and upholds this Sutra,
whether reading it, reciting it,
explaining it to others, or writing



nói, hoặc biên chép, trọn
nên tám trăm tỷ công
đức, dùng tỷ căn thanh
tịnh đó, ngửi khắp cõi
tam-thiên đại-thiên, trên
dưới trong ngoài các thứ
mùi: Mùi hoa tu-mạn-na,
mùi hoa xà-đề, mùi hoa
mạt-lợi, mùi hoa chiêm-
bặc, mùi hoa ba-la-la,
mùi hoa sen đỏ, mùi hoa
sen xanh, mùi hoa sen

it out, he will accomplish eight
hundred meritorious virtues of the
nose. With his pure nose he will
smell throughout the thousand
cubed world system, above and
below, inside and outside, all the
various fragrances: the scents of
the sumana, jatika, mallika,
champaka, and patala flowers;
scents of red, blue, and white lotus
flowers; scents of flowering and
fruit-bearing trees; scents of



trắng, mùi cây có hoa, mùi cây có trái, mùi chiêm-đàn, mùi trầm-thủy, mùi đa-ma-la-bạt, mùi đa-dà-la, đến trăm nghìn thứ hòa lộn, hoặc là bột, hoặc là viên, hoặc là hương xoa, người trì kinh này ở trong đây đều có thể phân biệt.

Và lại rõ biết mùi chúng

chandana, aloe-wood, tamalapatra, and tagara; and scents of a thousand myriad kinds mixed together, whether powdered, in lumps, or in paste. One who upholds this Sutra, dwelling in this place, can distinguish all of these.”

“Again, he can further distinguish



sanh: Mùi voi, mùi ngựa, mùi dê, trâu v.v... mùi trai, mùi gái, mùi đồng-nữ và mùi cỏ cây lùm rùng, hoặc gần, hoặc xa, bao nhiêu thứ mùi có ra, thấy đều được ngửi rõ biết chẳng nhầm.

Người trì kinh này dầu ở nơi đây cũng ngửi mùi trên các cõi trời: Mùi cây

the scents of living beings: the scents of elephants, horses, cows, sheep, and so forth; scents of men, women, boys, and girls; as well as scents of grasses, trees, thickets, and forests. All these scents, whether near or far, he can smell and distinguish without mistake.”

“Although one who upholds the Sutra dwells here, he can smell the scents of all the gods in the



ba-lợi-chất-đa-la, cây
câu-bệ-đà-la, cùng mùi
hoa mạn-đà-la, hoa đại-
mạn-đà-la, hoa mạn-thù-
sa, hoa đại-mạn-thù-sa,
mùi gỗ chiên-đàn, trầm-
thủy các thứ hương bột,
mùi các hoa đẹp. Các thứ
hương trời như thể hòa
hợp thoảng ra mùi thơm
đều ngửi biết.

heavens, the scents of the
parijataka and kovidara trees, as
well as the scents of the
mandarava, mahamandarava,
manjushaka, and mahamanjushaka
flowers; the scents of chandana
and aloe-wood powder and
various kinds of powdered
incense; and assorted floral scents.
Of all these heavenly scents, or
fragrances arising from the
blending of them, there are none



Lại ngửi mùi nơi thân của các vị trời: Mùi của Thích-Đề-Hoàn-Nhơn lúc ở trên tầng điện, năm món dục vui chơi, hoặc mùi lúc ở trên Diệu-Pháp-Đường vì các vị trời Đao-Lợi nói pháp, hoặc mùi lúc dạo chơi trong vườn, cùng mùi nơi thân của các vị trời nam

he will not smell and know.”
“Further he will smell the scents of the god’s bodies, the scent of Shakra Devanam Indra in his supreme palace as he enjoys the pleasures of the five desires, or his scent when, from the Wonderful Dharma Hall, he speaks the Dharma for the gods of the Trayastrimsha Heaven, or his scent when he plays in his gardens, as well as the scents of



nữ khác, thấy đều xa
ngửi biết.

Xoay vần như thế nhẫ
đến trời Phạm-Thế, trên
đến mùi nơi thân các vị
trời Hữu-Đánh cũng đều
ngửi biết.

Và ngửi mùi hương của
các vị trời đốt và mùi
Thanh-văn, mùi Bích-

the bodies of other gods or
goddesses. All these he can smell
from afar.”

“In the same way, up to and
including the Brahma realms and
the Peak of Existence,

he can smell the scents of all the
gods and at the same time smell
the incense burned by the gods,



chi-Phật, mùi Bồ-Tát, mùi nơi thân các đức Phật, cũng đều xa người biết chỗ ở của đó. Dầu người biết hương ấy, nhưng nơi tử căn không hư không sai, nếu muốn phân biệt vì người khác nói nghi nhớ không nhầm.

the scent of Hearers, the scent of the Pratyekabuddhas, the scent of the Bodhisattvas, and the scent of the Buddhas. All of these he can smell from afar and know where they are. Although he smells these fragrances, his sense of smell is not harmed and makes no mistakes. Should he wish to distinguish and explain them for others, his memory will not fail him.”



Lúc đó, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa trên
mà nói kệ rằng:

6. Người đó mũi thanh
tịnh
Ở trong thế giới này
Hoặc vật thơm hoặc hôi
Các thứ đều ngửi
biết.
Tu-mạn-na, xà-đề

At that time the World Honored
One, wishing to restate this
meaning, spoke verses, saying:

6. “This person’s nose is pure,

And within the world,
All odors, fragrant or fetid,
He can completely smell and
know.
Sumana and jatika,



Đa-ma-la, chiêm-đàn
Trâm-thủy và mùi
quế
Mùi các thứ hoa
trái
Và mùi các chúng sanh:
Mùi nam-tử, nữ-nhơn
Người nói pháp ở
xa
Ngửi mùi biết chỗ
nào.

Tamala and chandana,
The scents of aloe-wood and
cassia,
The scents of various flowers and
fruits,
The scents of living beings,
The scents of men and women--
The speaker of Dharma, at a
distance,
Smells them and knows where
they are.



Đại-Thế Chuyển-luân-
vương
Tiểu-chuyển-luân và
con
Bầy tôi, các cung nhân
Ngửi mùi biết chỗ
nào.

Trân bảo đeo nơi thân
Cùng tạng báu trong đất
Bảo-nữ của Luân-
vương

The great and mighty wheel-
turning kings,
The minor wheel-turners and their
sons,
Ministers and courtiers--
By their scents, he knows where
they are.

The jewels worn on the body,
The jewel treasuries in the earth,
The Wheel-Turning King's
jeweled women--



Ngửi hương biết chỗ
nào.

Mọi người đồ nghiêm
thân

Y phục và chuỗi ngọc

Các thứ hương xoa thân

Ngửi mùi biết thân
kia.

Các trời hoặc đi,

ngồi

Dạo chơi và thần

biến

Smelling their scents, he knows
where they are.

The ornaments adorning people's
bodies,

Their clothing, beads,

Various kinds of perfumes--

Smelling their scents, he knows
where they are.

The gods, whether walking or

sitting

Or playing with their spiritual

transformations--



Người trì Pháp-Hoa
này
Ngửi mùi đều biết
được.

Các cây hoa trái
hột
Và mùi thơm dầu tô
Người trì kinh ở
đây
Đều biết ở chỗ nào.

The upholder of the Dharma
Flower,
Having smelled their scents,
knows them all.

The trees with their flowers and
fruits,
The fragrance of clarified butter--
The one who holds the Sutra,
dwelling here,
Knows the location of them all.



Các núi, chỗ sâu
hiểm

Cây chiên-đàn nở hoa
Chúng sanh ở trong đó

Người mùi đều biết
được.

Núi Thiết-vi, biển
lớn

Các chúng sanh trong đất
Người trì kinh người
mùi

In the deep recesses of the
mountains,

The chandana trees in bloom
And the beings dwelling therein--

Smelling their scents, he knows
them all.

The living beings on Iron Ring
Mountain,

In the great seas, or in the earth--
By their scents, the holder of this
Sutra



Đều biết đó ở đâu.

Trai gái A-tu-la
Và quyền thuộc của
chúng

Lúc đánh cãi, dạo chơi
Ngửi hương đều biết
được.

Đồng trống, chỗ hiểm trở
Sư tử, voi, hùm,
sói

Knows the location of them all.

The male and female asuras
And their retinues,

Their quarrels and their play--
By smelling their scents, he can
know them.

In the wilds or ravines,
Lions, elephants, tigers and
wolves,



Bò rừng, trâu nước thấy
Ngửi hương biết chỗ
ở.

Nếu có người nghén
chửa
Chưa rõ trai hay
gái
Không cần và phi
nhơn
Ngửi mùi đều biết được.

Wild oxen, and water buffalo--
Smelling their scents, he knows
where they are.

Should a woman be pregnant with
a child
Whose sex has not yet been
determined,
Nor is it known if it is a freak or
non-human,
Smelling the scent, he can know.



Do vì sức ngửi mùi
Biết người mới ghen
chửa

Thành tựu hay chẳng
thành
An vui đẻ con
phước.

Do vì sức ngửi mùi
Biết tâm niệm trai,
gái

By the power of his smelling,
He can know when she first
conceived,

Whether the fetus is mature,
And if she will safely bear a
blessed child.

By the power of his smelling,
He knows what men and women
are thinking:



Lòng nhiễm dục ngu,
hờn
Cũng biết người tu
hành

Các phục tàng trong đất
Vàng, bạc, các trân bảo
Đồ đồng chỗ đựng chứa
Nghe nói đều biết
được

Các thứ chuỗi ngọc báu

Their defiling desires, stupidity,
and hateful thoughts.
He also knows those who cultivate
goodness.

The gold, silver, and jewels
Hidden in the earth's storehouses,
Filling copper vessels--
Smelling the scents, he knows
them all.

Various kinds of beads



Không ai biết giá mấy
Người mũi biết mắc
rẻ

Chỗ sản xuất ở
đâu.

Các thứ hoa trên trời
Mạn-đà, mạn-thù-sa
Cây Ba-lợi-chất-đa
Người mũi đều biết
được.

Whose value cannot be known--
By smelling their scent, he knows
their value,

Where they came from, and where
they are now.

All the flowers in the heavens,
Mandarava and manjushaka,
The parijata trees--
Smelling their scents, he can know
them.



Các cung điện trên trời
Thượng, trung, hạ sai
khác

Các hoa báu trang
nghiêm

Ngửi hương đều biết
được.

Thắng điện vườn rừng
trời

Các nhà Diệu-Pháp-
Đường

The palaces in the heavens--
Superior, middling or inferior,

Adorned with many jewels and
flowers--

Smelling their scents, he can know
them all.

Heavenly gardens, groves, and
supreme palaces;

Towers and wondrous Dharma
Halls;



Ở trong đó vui
chơi

Người mùi đều biết
được.

Các trời hoặc nghe
pháp
Hoặc lúc hưởng ngũ
dục
Lại, qua, đi, ngồi,
nằm

The amusements to be found
therein--

Smelling their scents, he can know
them all.

The gods, whether listening to the
Dharma

Or enjoying the pleasures of the
five desires,

Coming or going, walking, sitting,
or reclining--



Ngửi mùi đều biết
được.

Thiên nữ mặc y
phục
Hoa hương tốt trang
nghiêm
Lúc quanh khắp dạo
chơi
Ngửi mùi đều biết được.

Lần lượt lên như thế

By the scents, he can know them
completely.

The garments worn by the
goddesses,
Their adornments of flowers and
perfume
As they ramble around for
pleasure--
By their scents, he knows them
all.

Proceeding thus upward,



Nhẫn đến trời Phạm-Thế
Nhập thiền cùng xuất
thiền

Ngửi mùi đều biết
được.

Trời Quang-Âm, Biến-
Tịnh (5)

Nhẫn đến trời Hữu-Đảnh
Mới sanh và lui
chết

Ngửi hương đều biết
được.

Reaching to the Brahma heavens,
Those who enter Dhyana and
those who leave it--

Smelling their scents, he knows
them all.

The Heavens of Light-Sound and
Pervasive Purity,

On up to the Peak of Existence,
Those just born there and those
sliding down--

Smelling their scents, he knows
them all.



Các hàng Tỳ-kheo chúng
Nơi pháp thường tinh tấn
Hoặc ngồi hoặc kinh
hành

Và đọc tụng kinh điển
Hoặc ở dưới rừng cây
Chuyên rỗng mà ngồi
thiền

Người trì kinh người
mùi

Đều biết ở tại đâu.

Bồ-Tát chí bền chắc

The host of Bhikshus,
Ever vigorous in the Dharma,
Whether sitting or walking;

Reading or reciting the Sutra;
Or in the woods beneath trees,
Concentrated, sitting in Dhyana--

The one who upholds the Sutra,
smelling their scents,

Knows where they are.

Bodhisattvas of solid resolve,



Ngồi thiền hoặc đọc
tụng
Hoặc vì người nói pháp

Ngửi mùi đều biết
được.

Nơi nơi chỗ
Thế-Tôn
Được mọi người cung
kính

Whether sitting in Dhyana or
reading and reciting,
Or speaking the Dharma to others-
-

Smelling their scents, he knows
them all.

In any place the World Honored
One may be,
There revered by the multitudes,



Thương chúng mà nói
pháp
Ngửi mùi đều biết
được.

Chúng sanh ở trước
Phật
Nghe kinh đều vui mừng
Đúng pháp mà tu hành
Ngửi mùi đều biết
được.

As he pities them and speaks the
Dharma--
By smelling the scent, he knows
this completely.

Living beings in the Buddha's
presence,
Hearing the Sutra and rejoicing,
Cultivate in accord with Dharma.
By smelling the scents, he
completely knows them.



Dầu chưa được vô
lậu
Pháp-sanh-tỷ Bồ-Tát
Mà người trì kinh đây
Trước được tướng mũi
này.

7. Lại nữa Thường-Tinh-
Tấn! Nếu có thiện-nam-
tử, cùng thiện-nữ-nhơn
thọ trì kinh này, hoặc
đọc, hoặc tụng, hoặc giải

Even though he has not yet
attained the Bodhisattva's
Non-outflow Dharma-nose,
Still, the upholder of this Sutra
Will first attain a nose with such
characteristics.”

7. “Moreover, Ever-Vigorous, if a
good man or a good woman
receives and upholds this Sutra,
whether reading, reciting,
explaining it to others, or writing



nói, hoặc biên chép, được một nghìn hai trăm thiết công đức.

Những món hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc ngon, hoặc dở và các vật đắng chát, ở trên lưỡi của người đó, đều biến thành vị ngon như vị cam-lồ trên trời không món nào là chẳng ngon.

it out, he or she will gain twelve hundred meritorious virtues of the tongue.

All things, whether good or bad tasting, savory or unsavory, bitter or astringent, when they come in contact with his tongue will change into things of superior flavor, like heavenly sweet dew. None will not be flavorful. If he lectures amidst the great assembly,



Nếu được thiết căn đó ở trong đại chúng nói pháp có chỗ diễn ra tiếng sâu màu có thể vào tâm chúng, đều làm cho vui mừng sướng thích.

Lại các vị thiên-tử, thiên-nữ, các trời Thích, Phạm, nghe tiếng tam thâm diệu này diễn nói ngôn luận thứ đệ, thấy đều đến

his sound will be profound and wonderful, penetrating their minds and causing them all to be joyful and happy.”

“Further, all the gods and goddesses, Shakra, Brahma, and all the gods, hearing these profound, wonderful sounds of his orderly exposition, will all come



nghe. Và các hàng Long, Long-nữ, Dạ-xoa, Dạ-xoa nữ, Càn-thát-bà, Càn-thát-bà nữ, A-tu-la, A-tu-la nữ, Ca-lâu-la, Ca-lâu-la nữ, Khẩn-na-la, Khẩn-na-la nữ, Ma-hầu-la-dà, Ma-hầu-la-dà nữ, vì để nghe pháp mà đều đến gần gũi cung kính cúng dường.

to listen. All the dragons, female dragons, yakshas, female yakshas, gandharvas, female gandharvas, asuras, female asuras, garudas, female garudas, kinnaras, female kinnaras, mahoragas, and female mahoragas, in order to hear the Dharma, will draw near him and reverently make offerings to him.”



Và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,
Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,
Quốc-vương, Vương-tử,
quần thần quyền thuộc,
tiểu Chuyển-luân-vương,
đại Chuyển-luân-vương,
bảy báu, nghìn người
con, cùng quyền thuộc
trong ngoài, ngồi cung
điện đồng đến nghe
pháp.

“The Bhikshus and Bhikshunis;
Upasakas and Upasikas; kings,
princes, ministers, and retinues;
minor wheel-turning kings; and
great wheel-turning kings with
their seven treasures, thousands of
sons, and their inner and outer
retinues will all ride their palaces
there to listen to the Dharma.



Vì vị BỒ-Tát này khéo nói pháp, nên hàng Bà-la-môn, cư-sĩ, nhân dân trong nước trọn đời theo hầu cúng dường.

Lại các Thanh-văn, Bích-chi-Phật, BỒ-Tát, các đức Phật thường ưa thấy người đó,

Because this Bodhisattva skillfully speaks the Dharma, the Brahmans, laypeople, and citizens of the country will follow him for as long as he lives, serving and making offerings to him.”

“Further, the Hearers, Pratyekabuddhas, Bodhisattvas, and Buddhas will always take delight in seeing him.”



người đó ở chỗ nào, các đấng Phật đều xoay về phía đó nói pháp, người đó đều hay thọ trì tất cả Phật Pháp, lại có thể nói ra tiếng pháp sâu mầu.

Khi đó, đấng Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

“Wherever this person is, the Buddhas are right in front of him speaking the Dharma. He is also able to receive and uphold all the Buddhadharma and to put forth the profound and wondrous Dharma-sound.”

At that time the World Honored One, wishing to restate this meaning, spoke verses, saying,



8. Người đó lưỡi thanh
tịnh

Trọn không thọ vị xấu
Người đó ăn uống chi
Đều biến thành cam-lồ.

Dùng tiếng hay thâm
tịnh

Ở trong chúng nói
pháp

Đem các nhân duyên
dụ

8. “This person’s tongue is pure

And will never taste foul flavors.

All of the food he eats

Turns into sweet dew.

Using the profound, pure, and
wondrous sound,

He speaks the Dharma for the
great assembly

Using causes, conditions, and
analogies



Dẫn dắt lòng chúng
sanh
Người nghe đều vui
mừng
Bày đồ cúng dường tốt.
Các trời, rồng, Dạ-xoa
Cùng A-tu-la thấy
Đều dùng lòng cung kính
Mà đồng đến nghe pháp

Người nói kinh pháp
đó

To guide the minds of living
beings,
Who, on hearing him, rejoice
And make superior offerings.
The gods, dragons, yakshas,
And asuras, and so forth,
All with reverent minds,
Come to hear the Dharma.

This person who speaks the
Dharma,



Nếu muốn dùng tiếng
mầu

Khắp cùng cõi Tam-thiên
Tùy ý liền được
đến.

Đại, Tiểu Chuyển-luân-
vương

Và nghìn con quyền
thuộc

Chấp tay lòng cung
kính

Should he wish with a wondrous
sound

To pervade three thousand worlds,
As he wishes, he will be able to do
so.

Wheel-turning kings, great and
minor,

Their thousands of sons and their
retinues,

With palms joined and reverent
minds,



Thường đến nghe thọ
pháp,

Các trời, rồng, Dạ-xoa
La-sát, Tỳ-xá-xà
Cũng dùng lòng vui
mừng

Thường ưa đến cúng
dường,

Phạm-thiên-vương, Ma-
vương,

Always come to hear and receive
the Dharma.

The gods, dragons, yakshas,
Rakshasas and pishacas,
Also, with happy hearts,

Always delight in coming to make
offerings.

The god king Brahma, King Mara,



Tự-tại, Đại-tự-
tại

Các chúng trời như thế
Thường đến chỗ người
đó.

Các Phật cùng đệ
tử

Nghe người nói tiếng
pháp

Thương nhớ giữ gìn cho
Hoặc lúc vì hiện
thân.

Self-Mastery, and Great Self-
Mastery,

And all the hosts of gods
Always come to where he is.

All the Buddhas and their
disciples,

Hearing his sound as he speaks the
Dharma,

Are ever mindful and protective,
And sometimes manifest in
person.”



9. Lại nữa, Thường-Tinh-Tấn! Nếu có thiện-nam-tử cùng thiện-nữ-nhơn thọ trì, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép được tám trăm thân công đức, được thân thanh tịnh như lưu ly sạch chúng sanh ưa thấy. Vì thân đó trong sạch nên chúng sanh trong cõi tam-thiên đại-

9. “Further, Ever-Vigorous, if a good man or a good woman receives and upholds this Sutra, whether reading, reciting, explaining it to others, or writing it out, he will obtain eight hundred meritorious virtues of the body. He will obtain a pure body, as pure as vaidurya, which living beings will be delighted to see, because of the purity of his body. Living beings in the three



thiên, lúc sanh lúc chết, trên dưới, tốt xấu, sanh chỗ lành, chỗ dữ v.v... đều hiện rõ trong đó.

Và núi Thiết-vi, núi Đại-thiết-vi, núi Di-lâu, núi Đại-di-lâu v.v... các núi cùng chúng sanh ở trong đó đều hiện rõ trong

thousand great thousand world system, whether at the time of birth or at the time of death, above or below, fair or ugly, whether born in good place or born in an evil place, will all manifest within it.

The Iron Ring Mountain, the Great Iron Ring Mountain, Meru Mountain, Mahameru Mountain, and the other mountains, and all the living beings in their midst



thân, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến trời Hữu-Đảnh cảnh vật cùng chúng sanh đều hiện rõ trong thân. Hoặc là Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-Tát cùng chư Phật nói pháp đều hiện sắc tượng ở trong thân.

Bấy giờ, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên

will appear within it. Below to the Avici hells and above to the Peak of Existence, all living beings will manifest therein. If Hearers, Pratyekabuddhas, Bodhisattvas, or Buddhas speak the Dharma, they will all manifest their physical images within his body.”

At that time the World Honored One, wishing to restate this



mà nói kệ rằng:

10. Nếu người trì
Pháp-Hoa
Thân thể rất thanh tịnh
Như lưu ly sạch kia
Chúng sanh đều ưa
thấy.

Lại như gương sáng sạch
Đều thấy các sắc tượng

meaning, spoke verses, saying:

10. “If a person holds the Dharma
Flower,
His body will be extremely pure,
Like that of pure vaidurya,
And living beings will all take
delight in seeing him.

Also, as in a pure, bright mirror
All images are seen,



Bồ-Tát nơi tịnh
thân

Thấy cả vật trong đời

Chỉ riêng mình thấy rõ
Người khác không thấy
được,

Trong cõi nước tam-thiên
Tất cả các chúng
sinh

Trời, người, A-tu-la

Địa-ngục, quỷ, súc-sanh

The Bodhisattva, within his pure
body,

Sees everything in the world.

He alone has clear perception,
For these things are not seen by
other people.

Within three thousand worlds,
All the multitudes of living
beings--

Gods, humans, asuras,

Hell-beings, ghosts, and animals:



Các sắc tượng như thế
Đều hiện rõ trong thân.

Cung điện của các trời
Nhấn đến trời Hữu-Đảnh
Núi Thiết-vi, Di-lâu
Núi Ma-ha Di-lâu
Các biển nước lớn
thảy
Đều hiện ở trong thân.

All such images as these--
Appear within his body.

The palaces of the gods
Up to the Peak of Existence,
The Iron Ring and Meru
And Mahameru Mountains,
And the waters of all the great
seas
All appear within his body.



Các Phật cùng Thanh-
văn
Phật tử BỒ-Tát
thầy
Hoặc riêng, hoặc tại
chúng
Nói pháp thầy đều hiện.

Dầu chưa được diệu
thân
Pháp tánh sạch các
lậu

The Buddhas and Hearers,
Disciples of the Buddha and
Bodhisattvas,
Whether singly or in a multitude,
Speaking Dharma, all manifest.

Although he has not yet gained the
non-outflow,
Wondrous body of the Dharma-
nature,



Dùng thân thanh tịnh
thường
Tất cả hiện trong đó.

11. Lại nữa Thường-
Tinh-Tấn! Sau khi Đức
Như-Lai diệt độ, nếu có
người thiện-nam-tử cùng
thiện-nữ-nhơn thọ trì
kinh này, hoặc đọc, hoặc
tụng, hoặc giải nói, hoặc
biên chép, thời được một

Within his pure, ordinary body,
All things manifest.”

11. “Further, Ever-Vigorous, if a
good man or a good woman, after
the passing into stillness of the
Thus Come One, receives and
upholds this Sutra, whether
reading, reciting, explaining it to
others or writing it out, he will
obtain twelve hundred meritorious



nghìn hai trăm ý công đức.

Dùng ý căn thanh tịnh đó
nhấn đến nghe một kệ,
một câu, suốt thấu vô
lượng, vô biên nghĩa,
hiểu nghĩa đó rồi, có thể
diễn nói một câu, một kệ
đến một tháng, bốn tháng
nhấn đến một năm. Các
pháp nói ra tùy nghĩa thú

virtues of the mind.

With his pure mind, by hearing so
much as a single verse or a single
sentence, he will comprehend
limitless, boundless meanings.
Having understood these
meanings, he will then be able to
expound on a single sentence or a
single verse for as long as a
month, four months, or up to a



kia đều cùng thật tướng
chẳng trái nhau.

Nếu nói kinh sách trong
đời, lời lẽ trị thế, nghề
nghiệp nuôi sống v.v...
đều thuận chánh pháp.
Sáu đường chúng sanh
trong cõi tam-thiên đại-
thiên,

year. All the Dharma he speaks
will accord with the meaning and
purport, and none of it will
contradict the Real Mark.

If he speaks on worldly texts,
expounds on the principles of
government, or follows an
occupation to make a living, it will
all accord with the proper
Dharma. In the three thousand
great thousand world system, all



lòng nghĩ,
tưởng,
lòng động tác,
lòng hý luận,
thảy đều biết đó.
Dầu chưa được trí huệ vô
lậu mà ý căn thanh tịnh
như thế, người đó có suy
nghĩ, tính lường, nói
năng những chi thời đều
là Phật pháp cả, không có
gì là chẳng chân thật,

the living beings of the six
destinies, their mental processes,
their mental activities, the
frivolous assertions in their minds,
all these he completely knows.
Although he has not yet gained the
non-outflow wisdom, still his
mind is as pure as this. All of this
person's thoughts, calculations, or
pronouncements are Buddha
dharma, and none are not true and
real, and all have been spoken in



cũng là lời trong kinh của các Phật thuở trước nói.

Bấy giờ, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

12. Ý người đó thanh
tịnh
Sáng lạnh không đục nhờn
Dùng ý căn tốt đó

the Sutras of former Buddhas.”

At that time the World Honored One, wishing to restate this meaning, spoke verses, saying,

12. “This person’s mind is pure,
Bright, sharp, and immaculate.
With this wonderful mind,



Biết pháp: Thượng,
trung, hạ

Nhân đến nghe một kệ
Thông đạt vô lượng
nghĩa

Thứ đệ nói đúng
pháp

Tháng, bốn tháng, đến
năm.

Trong ngoài của cõi này

He knows superior, middle and
inferior Dharmas.

If he hears but a single verse,
He comprehends limitless
meanings

And speaks them in good order
according to Dharma,

For a month, four months, or a
year.

Inside and outside this world,



Tất cả các chúng sanh
Hoặc trời rồng và người
Dạ-xoa, quỷ, thần thảy
Kia ở trong sáu đường
Nghĩ tưởng bao nhiêu
điều
Phước báo trì
Pháp-Hoa
Đồng thời thảy đều biết.

Vô số Phật mười
phương

All the living beings,
Be they gods, dragons, or humans,
Yakshas, ghosts, or spirits,
All those in the six destinies,
All of their different thoughts,

The upholder of the Dharma
Flower,
As a reward, knows all at once.

The countless Buddhas in the ten
directions,



Trăm phước tướng trang
nghiêm
Vì chúng sanh nói
pháp
Đều nghe hay thọ
trì.

Suy gẫm vô lượng nghĩa
Nói pháp cũng vô
lượng
Sau trước chẳng quên
lộn

Adorned with the marks of a
hundred blessings,
Speak the Dharma for living
beings.
He hears it all and can receive and
hold it.

He ponders limitless meanings
And speaks limitless Dharmas,
too,
Without a mistake or omission
from beginning to end,



Bởi thọ trì Pháp-
Hoa

Trọn biết các pháp
tướng

Theo nghĩa rõ thứ
đệ.

Suốt danh tự ngữ ngôn
Như chỗ biết diễn
nói.

Người đó có nói ra

Because he upholds the Dharma
Flower.

He completely knows the marks of
all Dharmas,

And recognizes their meaningful
sequence.

Knowing the names and words,
He expounds on them as he
understands them.

What this person says



Là pháp của Phật
trước
Vì diễn nói pháp
này
Ở trong chúng không sợ.

Người trì kinh Pháp-
Hoa
Ý căn tịnh như thể
Dầu chưa được
vô lậu

Is all the Dharma of former
Buddhas.
And because he expounds on this
Dharma,
He is fearless in the assembly.

The one who upholds the Dharma
Flower
Has a pure mind like this.
Although he has not yet attained
to no-outflows,



Trước có tướng dường
ấy.

Người đó trì kinh này
An trụ bậc hy hữu
Được tất cả chúng sanh
Vui mừng mà mến
kính.

Hay dùng nghìn muôn
ức
Lời lẽ rất hay khéo

He already has such marks as
these.

This person, upholding the Sutra,
Dwells securely on rare ground,
And all living beings
Delight in him, cherish and revere
him.

He can, with a thousand myriads
of kinds
Of skillful, clever words,



Phân biệt mà nói pháp
Bởi trì kinh Pháp-Hoa.

Speak the Dharma in detail,
Because he upholds the Dharma
Flower.”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 6

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume VI

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “THƯỜNG-
BẤT-KHINH BỒ-TÁT”
THỨ HAI MƯỜI

1. Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài đại Bồ-Tát Đắc-Đại-Thế rằng: “Ông nay nên biết! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào thọ trì kinh Pháp-Hoa này được công

Never-Slighting Bodhisattva
Chapter 20

1. At that time the Buddha told the Bodhisattva Mahasattva Great Strength, “You should now know that if someone reviles, abuses, or slanders a Bhikshu, Bhikshuni, Upasaka, or Upasika who upholds the Dharma Flower Sutra, he will



đức như trước đã nói, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cùng ý thanh tịnh, như có người nói lời thô ác mắng nhiếc chê bai, mắc tội báo lớn cũng như trước đã nói.

2. Đắc Đại Thế! Về thuở xưa quá vô lượng vô biên bất-khả tư-nghì, vô số kiếp, có Phật hiệu là Oai-

incur great offense retribution as described above. The meritorious virtues obtained through the eyes, ears, nose, tongue, body, and mind gained by the upholder of the Sutra are also as described above.”

2. “Great Strength, once limitless, boundless, inconceivable asamkhyeyas of eons ago, there was a Buddha by the name of



Âm-Vương
Như-Lai,
Ứng-cúng,
Chánh-biến-tri,
Minh-hạnh-túc,
Thiện-thệ,
Thế-gian-giải,
Vô-thượng-sĩ,
Điều-ngự trượng-phu,
Thiên-Nhân-Sư,
Phật Thế-Tôn.

King of Awesome Sound Thus
Come One, One Worthy of
Offerings, One of Proper and
Universal Knowledge, One
Perfect in Clarity and Conduct,
Well-Gone One, One Who
Understands the World,
Unsurpassed Lord, Regulating
Hero, Teacher of Gods and
Humans, Buddha, World Honored
One.”



Kiếp đó tên là Ly-Suy,
nước đó tên là Đại-
Thành.

Đức Oai-Âm-Vương
Phật trong đời đó vì hàng
trời, người, A-tu-la mà
nói pháp, vì người cầu
Thanh-văn mà nói pháp
Tứ-Đế, thoát khỏi sanh,
già, bệnh, chết, rốt ráo
Niết-bàn; vì người cầu
Bích-chi-Phật mà nói

“His eon was named ‘Apart From
Decay.’ His country was named
‘Great Accomplishment.’”

“In that world, the Buddha King
of Awesome Sound spoke the
Dharma for the gods, humans, and
asuras. To those who sought to be
Hearers, he spoke the Dharma of
the Four Truths to take them
across birth, old age, sickness, and
death to ultimate Nirvana. To
those who sought to be



pháp mười-hai-nhân-
duyên; vì các Bồ-Tát
nhân vô-thượng chánh-
đẳng chánh-giác mà nói
sáu pháp ba-la-mật, rôt
ráo trí huệ của Phật.

Đắc-Đại-Thế! Đức Oai-
Âm-Vương Phật đó sống
lâu bốn mươi vạn ức na-

Pratyekabuddhas, he spoke the
Dharma of the Twelve Causes and
Conditions. For the Bodhisattvas,
in order to lead them to
Anuttarasamyaksambodhi, he
spoke the Dharma of the Six
Paramitas, which culminates in
Buddha-wisdom.”

“Great Strength, the Buddha King
of Awesome Sound had a life span
of eons equal in number to the



do-tha hăng-hà-sa kiếp:

Chánh pháp trụ ở đời kiếp số như vi trần trong một Diêm-phù-đề; tượng pháp trụ ở đời kiếp số như số vi trần trong bốn châu thiên hạ. Đức Phật đó lợi ích chúng sanh, vậy sau mới diệt độ.

grains of sand in forty myriads of kotis of nayutas of Ganges Rivers.”

“His proper Dharma dwelt in the world for eons equal in number to the motes of dust in a single Jambudvipa. The Dharma Image Age dwelt in the world for eons equal in number to the motes of dust in one set of four continents. After benefiting living beings, he



Sau khi chánh-pháp
tượng-pháp diệt hết,
trong cõi nước đó lại có
Phật ra đời, cũng hiệu là
Oai-Âm-Vương,
Như-Lai,
Ứng-cúng,
Chánh-biến-tri,
Minh-hạnh-túc,
Thiện-thệ,

passed into stillness.”

“After the Proper and Image
Dharma had become completely
extinct, in this country yet another
Buddha appeared, also by the
name of King of Awesome Sound
Thus Come One, One Worthy of
Offerings, One of Proper and
Universal Knowledge, One
Perfect in Clarity and Conduct,
Well Gone One, One Who



Thế-gian-giải,
Vô-thượng-sĩ,
Điều-ngự trượng-phu,
Thiên-Nhân-Sư,
Phật Thế-Tôn,
cứ thứ lớp như thế có hai
muôn ức đức Phật đều
đồng một hiệu.

3. Đức Oai-Âm-Vương
Như-Lai, đầu hết diệt độ
rồi, sau lúc chánh pháp

Understands the World,
Unsurpassed Lord, Regulating
Hero, Teacher of Gods and
Humans, Buddha, World Honored
One. In this way, in sequence,
there were twenty thousand kotis
of Buddhas, all of the same
name.”

3. “When the first Thus Come One
King of Awesome Sound had
passed into stillness, and after the



đã diệt trong đời tượng pháp những Tỳ-kheo tăng-thượng-mạn có thể lực lớn.

Bấy giờ, có vị Bồ-Tát Tỳ-kheo tên Thường-Bất-Khinh.

Đắc-Đại-Thế! Vì có gì tên là Thường-Bất-Khinh? Vì vị Tỳ-kheo đó phạm khi ngó thấy hoặc

extinction of his proper Dharma, during the Dharma Image Age there were Bhikshus of overweening pride who assumed great power.

At that time there was a Bhikshu-Bodhisattva by the name of Never-Slighting.”

“Great Strength, for what reason was he called Never-Slighting? Whomever this Bhikshu met, be it a Bhikshu, Bhikshuni, Upasaka, or



Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,
hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-
di, thấy đều lễ lạy khen
ngợi mà nói rằng: “Tôi
rất kính quý Ngài chẳng
dám khinh mạn.

Vì sao? Vì quý Ngài đều
tu hành đạo BỒ-Tát sẽ
được làm Phật”.

Mà vị Tỳ-kheo đó chẳng

Upasika, he would bow to them all
and praise them, saying, ‘I deeply
respect all of you and dare not
slight you.

Why? You are all practicing the
Bodhisattva Path and shall attain
Buddhahood.””

“This Bhikshu did not read and



chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ đi lễ lạy, nhân đến xa thấy hàng tứ chúng, cũng cố qua lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: “Tôi chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ làm Phật”.

Trong hàng tứ chúng có người lòng bất tịnh sanh giận hờn buông lời ác mắng nhiếc rằng: “Ông

recite Sutras, but specialized in making obeisance to the point that when he saw the four assemblies from afar, he would approach them, bow, and praise them, saying, ‘I dare not slight you, for you shall all become Buddhas.’”

“Within the four assemblies, there were some who grew irate, those with impure minds who reviled him with foul mouths, saying,



vô trí Tỳ-kheo này từ đâu đến đây tự nói ta chẳng khinh Ngài, mà thọ ký cho chúng ta sẽ được làm Phật, chúng ta chẳng dùng lời thọ ký hư dối như thế”.

Trải qua nhiều năm như vậy, thường bị mắng nhiếc chẳng sanh lòng giận hờn, thường nói:

“Where did this senseless Bhikshu come from, who says “I dare not slight you” and then gives us predictions, saying we shall become Buddhas? We don’t need such false predictions!”

“In this way for many years he was scolded and reviled. But he never got angry. He always said, ‘You shall become Buddhas.’



“Ngài sẽ làm Phật”. Lúc nói lời nói, chúng nhân hoặc lấy gậy cây ngói đá để đánh ném. Ông liền chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xưng rằng: “Ta chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật”. Bởi ông thường nói lời đó, nên hàng tăng-thượng-mạn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,

When he said that, those people would beat him with sticks or throw stones at him. He would run off, stand at a distance, and shout out:

‘I dare not slight you, for you shall all become Buddhas!’ Because he always said that, the Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, and Upasikas of overweening pride gave him the name ‘Never-



Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di gọi ông là Thường-Bất-Khinh.

4. Vị Tỳ-kheo đó lúc sắp chết, nơi giữa hư không nghe trọn hai mươi nghìn muôn ức bài kệ kinh Pháp-Hoa của đức Oai-Âm-Vương Phật đã nói thưở trước, nghe xong đều có thể thọ trì, liền

Slighting.””

4. “When this Bhikshu’s life was coming to an end, in space he heard all of the complete twenty thousand myriad kotis of verses of the Dharma Flower Sutra previously spoken by the Buddha King of Awesome Sound. He was able to receive and uphold them



được nhãn căn thanh tịnh, nhĩ, tỷ, thiệt, thân cùng ý căn thanh tịnh như trên. Được sáu căn thanh tịnh đó rồi lại sống thêm hai trăm muôn ức na do tha tuổi, rộng vì người nói kinh Pháp Hoa đó.

Lúc đó hàng tăng-thượng-mạn Tỳ-kheo,

all. He immediately obtained the purity of the eye and the purity of the ear, nose, tongue, body, and mind, as mentioned above. Having obtained the purity of the six senses, his life span was further increased by two million kotis of nayutas of years. He extensively spoke the Dharma Flower Sutra for others.”

“At that time the four assemblies of Bhikshus, Bhikshunis,



Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khinh tiện vị đó đặt cho tên “Bất-Khinh” nay thấy vị đó được sức thần thông lớn, sức nhạo thuyết biện, sức đại-thiện-tịch (6) nghe vị đó nói pháp đều tin phục tùy tùng.

Upasakas, and Upasikas of overweening pride who had ridiculed him and named him Never-Slighting saw that he had gained great powers of spiritual penetrations, the power of the eloquence of delight in speech, and the power of great wholesome silence. Hearing what he said, they faithfully submitted to him and followed him.



Vị Bồ-Tát đó giáo hóa
nghìn muôn chúng khiến
trụ trong vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác.
Sau khi mạng chung
được gặp hai nghìn ức
Phật đều hiệu Nhật-
Nguyệt-Đăng-Minh,
ở trong pháp hội đó nói
kinh Pháp-Hoa này. Do
nhân duyên đó lại gặp

This Bodhisattva further
transformed thousands of myriads
of kotis of multitudes, causing
them to dwell in
Anuttara-samyak-sambodhi.
When his life was over, he was
able to encounter two thousand
kotis of Buddhas, all named
Brightness of Sun-Moon-Lamp.
Within their Dharmas, he spoke
the Dharma Flower Sutra. By
means of these causes and



hai nghìn ức Phật đồng
hiệu là Vân-Tự-Tại-
Đăng-Vương,

ở trong pháp hội của các
đức Phật đó thọ trì, đọc
 tụng, vì hàng tứ chúng
nói kinh điển này, cho
nên được mắt thanh tịnh
thường trên đó, tai mũi
lưỡi thân cùng ý các căn

conditions, he further encountered
two thousand kotis of Buddhas, all
named Cloud-like Comfort Lamp
King.

Within the Dharma of those
Buddhas, he received, upheld,
read, recited, and spoke for others
of the four assemblies this Sutra,
and so obtained the purity of his
ordinary eye and the purity of his
ear, nose, tongue, body, and mind.



thanh tịnh, ở bốn chúng
nói pháp lòng không sợ
sệt.

Đắc-Đại-Thế! Vị
Thường-Bất-Khinh đại
Bồ-Tát đó cúng dường,
bao nhiêu đức Phật như
thế, cung kính tôn trọng
ngợi khen, trồng các gốc
lành.

Lúc sau lại gặp nghìn

He spoke the Dharma in the four
assemblies with a heart free of
fear.”

“Great Strength, the Bodhisattva
Mahasattva Never-Slighting made
offerings to as many Buddhas as
these: revering, honoring, and
praising them and planting the
roots of goodness.”

“He later encountered a thousand



muôn ức Phật cũng ở trong pháp hội các đức Phật nói kinh điển này, công đức thành tựu sẽ được làm Phật.

5. Đắc-Đại-Thế! Ý ông nghĩ sao?

Thường-Bất-Khinh Bồ-Tát thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là thân ta. Nếu ta ở đời

myriad kotis of Buddhas, and within the Dharma of all these Buddhas, he spoke this Sutra. When his merit and virtue were realized, he became a Buddha.”

5. “Great Strength, what do you think? At that time, could the Bodhisattva Never-Slighting have been anyone else? He was none other than myself! Had I not in former lives received, upheld,



trước chẳng thọ trì đọc tụng kinh này, vì người khác giải nói đó, thời chẳng có thể mau được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Do ta ở chỗ các đức Phật thuở trước thọ trì đọc tụng kinh này vì người khác nói, nên mau được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

read, and recited this Sutra and explained it to others, I would not have been able to gain Anuttara-samyak-sambodhi so quickly. Because in the presence of former Buddhas I received, upheld, read, and recited this Sutra and explained it to others, I quickly gained Anuttara-samyak-sambodhi.”



6. Đắc-Đại-Thế! Thuở đó bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, do lòng giận hờn khinh tiện ta, nên trong hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe pháp, chẳng thấy Tăng, nghìn kiếp ở địa ngục A-tỳ chịu khổ não lớn. Hết tội đó rồi lại gặp Thường-Bất-Khinh

6. “Great Strength, because at that time the four assemblies of Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, and Upasikas hatefully reviled me, for two hundred kotis of eons they did not encounter a Buddha or hear the Dharma or meet the Sangha. For a thousand eons they suffered great torment in the Avici Hell. Having received their punishment, they once again encountered Never-Slighting



Bồ-Tát giáo hóa đạo vô-
thượng chánh-đẳng
chánh-giác.

Đắc-Đại-Thế! Ý ông
nghĩ sao? Bốn chúng
thường khinh vị Bồ-Tát
thuở đó đâu phải người
nào lạ chính là nay trong
hội này bọn ông Bạt-Đà-
Bà-La năm trăm vị Bồ-
Tát, bọn ông Sư-Tử-

Bodhisattva, who taught and
transformed them to
Anuttara-samyak-sambodhi.”

“Great Strength, what do you
think? At that time could the four
assemblies who constantly
slighted this Bodhisattva have
been anyone else? They were just
Bhadrapala Bodhisattva and the
five hundred Bodhisattvas in this
assembly, Lion Moon and the five



Nguyệt năm trăm vị Tỳ-kheo, bốn ông Ni-Tư-Phật năm trăm Ưu-bà-tắc, đều bất thối chuyển ở nơi đạo vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Đắc-Đại-Thế! Phải biết kinh Pháp-Hoa này rất (có) lợi ích (cho) các vị đại Bồ-Tát, có thể làm cho đến nơi đạo vô-

hundred Bhikshus, and Sugatachetana and the five hundred Upasakas, all of whom are irreversible from Anuttara-samyak-sambodhi.”

“Great Strength, you should know that the Dharma Flower Sutra greatly benefits all the Bodhisattvas Mahasattvas, causing them to arrive at



thượng chánh-đẳng
chánh-giác. Cho nên các
vị đại Bồ-Tát sau khi
Phật diệt độ phải thường
thọ trì đọc tụng, giải nói,
biên chép kinh này.

Khi đó, đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa trên
mà nói kệ rằng:

Anuttara-samyak-sambodhi.
Therefore all the Bodhisattvas
Mahasattvas after the extinction of
the Thus Come One should always
receive, uphold, read, and recite
this Sutra, explain it to others, and
write it out.”

At that time the World Honored
One, wishing to restate this
meaning, spoke verses, saying,



7. Thuở quá khứ có Phật
Hiệu là Oai-Âm-
Vương
Sức trí thần vô
lượng
Dìu dắt tất cả chúng
Hàng, trời, người, long,
thần
Đều chung nhau cúng
dường.
Sau khi Phật diệt
độ

7. “In the past there was a Buddha
By the name of King of Awesome
Sound.

With limitless spiritual powers
and wisdom,

He guided all living beings.

Gods, humans, dragons, and
spirits

Made offerings to him.

After this Buddha’s passing into
stillness,



Lúc pháp muốn dứt
hết

Có một vị Bồ-Tát
Tên là Thường-Bất-
Khinh

Bấy giờ hàng tứ chúng
Chấp mê nơi các pháp
Thường-Bất-Khinh Bồ-
Tát

Qua đến chỗ của họ
Mà nói với đó rằng:

When the Dharma was about to
become extinct,
There was a Bodhisattva
By the name of Never-Slighting.

At that time the four assemblies
were attached to the Dharma.
The Bodhisattva Never-Slighting

Would approach them
And say to them,



Ta chẳng dám khinh
Ngài
Quý Ngài tu đạo nghiệp
Đều sẽ được làm Phật
Những người đó nghe rồi
Khinh chê thêm mắng
nhiếc
Thường-Bất-Khinh Bồ-
Tát
Đều hay nhẫn thọ đó.
Tội Bồ-Tát hết
rồi

“I will not slight you,
For you are practicing the Way
And shall become Buddhas.”
Hearing that, they slighted him,
Slandered and reviled him,
And Never-Slighting Bodhisattva
endured it all.
When his punishment was
finished,



Đến lúc gần mạng chung
Được nghe kinh pháp
này
Sáu căn đều thanh
tịnh
Vì sức thần thông
vậy
Sống lâu thêm nhiều tuổi
Lại vì các hạng người
Rộng nói kinh pháp này.
Các chúng chấp nói
pháp

At the end of his life,
He got to hear this Sutra,

And his six sense faculties were
purified.
By the power of spiritual
penetrations,
His life span was increased,
And for the sake of others,
He vastly spoke this Sutra.
The multitudes who were attached
to Dharma



Đều nhờ Bồ-Tát đó
Giáo hóa được thành tựu
Khiến trụ nơi Phật
đạo.

Thường-Bất-Khinh mạng
chung

Gặp vô số đức Phật

Vì nói kinh này vậy

Được vô lượng phước

đức

Lần lần đủ công

đức

All received this Bodhisattva's
Teaching and successfully
Were led to dwell in the Buddha
Way.

When Never-Slighting's life
ended,

He met with countless Buddhas,
And because he spoke this Sutra,
He obtained limitless blessings.

Gradually perfecting his merit and
virtue,



Mau chứng thành Phật
đạo.

Thuở đó Thường-Bất-
Khinh

Thời chính là thân ta
Bốn bộ chúng khi ấy
Những người chấp nơi
pháp

Nghe Thường-Bất-Khinh
nói:

Ngài sẽ được làm
Phật

He quickly realized the Buddha
Way.

At that time Never-Slighting

Was indeed myself!

At that time the four assemblies
Were attached to the Dharma.

Hearing Never-Slighting's words,

“You shall become
Buddhas,”



Do nhờ nhân duyên
đó
Mà gặp vô số
Phật,
Chính trong pháp hội này
Năm trăm chúng
Bồ-Tát
Và cùng bốn bộ chúng
Thanh tín nam nữ
thảy
Nay ở nơi trước ta
Nghe kinh Pháp-Hoa đó.

By means of those causes and
conditions
Were countless Buddhas
encountered.
Here in this assembly,
The multitude of five hundred
Bodhisattvas
Within the four assemblies
And the men and women of pure
faith
Are now in front of me,
Listening to the Dharma.



Ta ở trong đời trước
Khuyên những hạng
người đó
Nghe thọ kinh Pháp-Hoa
Là pháp bậc thứ nhất
Mở bày dạy cho người
Khiến trụ nơi Niết-bàn
Đời đời thọ trì
luôn
Những kinh điển như thế.
Trải ức ức muôn
kiếp

In former lives
I exhorted these people
To listen to and receive this Sutra,
Which is the foremost Dharma.
I instructed them
And led them to dwell in Nirvana,
And life after life, to receive and
uphold
A Sutra such as this.
For only in millions and millions
of myriads of eons,



Cho đến bất-khả-nghì
Lâu lắm mới nghe được
Kinh Diệu-Pháp-Hoa
này,
Trải ức ức muôn
kiếp
Cho đến bất-khả-nghì
Các đức Phật
Thế-Tôn
Lâu mới nói kinh này
Cho nên người tu hành
Sau khi Phật diệt độ

Inconceivable in number,
Can one get to hear
The Dharma Flower Sutra.

And only in millions and millions
of myriads of eons,
Inconceivable in number,
Do the Buddhas, World Honored
Ones,
Happen to speak this Sutra.
Therefore, the practitioner,
After the Buddha's extinction,



Nghe kinh pháp như thế
Chớ sanh lòng nghi hoặc.
Nên phải chuyên một
lòng
Rộng nói kinh điển này
Đời đời được gặp
Phật
Mau chứng thành Phật
đạo.

On hearing this Sutra,
Should not give rise to doubts,
But should, with a single mind,

Extensively proclaim this Sutra,
So that life after life he may meet
the Buddhas
And quickly realize the Buddha
Way.”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 6

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume VI

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “NHƯ-LAI THẦN-LỰC” THỨ HAI MƯỜI MỐT

1. Lúc bảy giờ, các vị đại Bồ-Tát như số vi trần trong nghìn thế giới từ dưới đất vọt lên đó, đều ở trước đức Phật một lòng chấp tay chiêm ngưỡng

The Spiritual Powers of the Thus Come One Chapter 21

1. At that time the Bodhisattvas Mahasattvas equal in number to the motes of dust in a thousand worlds, who had welled forth out of the earth, in the presence of the Buddha, single-mindedly, with



dung nhan của Phật mà
bạch cùng Phật rằng:
“Thế Tôn! Sau khi Phật
diệt độ, ở nơi cõi nước
của đức Thế-Tôn phân
thân diệt độ, chúng con
sẽ rộng nói kinh này. Vì
sao? Chúng con cũng tự
muốn được pháp lớn
thanh tịnh này để thọ trì,
đọc tụng, giải nói, biên
chép mà cúng dường

palms joined, gazed up at the
Buddha and spoke to him, saying,
“World Honored One, after the
Buddha’s passing, in countries
where there are division bodies of
the Buddha, in places where he
has passed into stillness, we shall
extensively speak this Sutra.
Why? Because we also wish to
obtain this true, pure, and great
Dharma; to receive, uphold, read
and recite, explain, write out, and



đó”.

2. Lúc đó, Thế-Tôn ở trước ngài Văn-Thù Sư-Lợi v.v... vô lượng trăm nghìn muôn ức vị đại Bồ-Tát cứu trụ ở nơi cõi Ta-bà và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la,

make offerings to it.”

2. At that time, in the presence of Manjushri and the others, limitless hundreds of thousands of myriads of kotis of Bodhisattvas Mahasattvas who had long resided in the Saha world, as well as the Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas, gods, dragons, yakshas, gandharvas, asuras, garudas, kinnaras, mahoragas, humans,



Ma-hầu-la-dà, nhơn, phi-nhơn v.v... trước tất cả chúng, hiện sức thần thông lớn: bày tướng lưỡi rộng dài lên đến trời Phạm-thế, tất cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng vô số tia sáng đủ màu sắc, thảy đều khắp soi cả cõi nước trong mười phương. Các đức Phật ngồi trên tòa sư-tử dưới

non-humans, and so forth, the World Honored One manifested great spiritual powers. He put forth his vast and long tongue which reached upward to the Brahma worlds. From all of his hair pores, he emitted lights of limitless, countless colors, all of which pervasively illuminated the worlds of the ten directions. In the same way, all the Buddhas seated on lion thrones beneath jeweled



cây báu cũng lại như thế:
Bày tướng lưỡi rộng dài
phóng vô lượng tia sáng.

Lúc đức Thích-Ca Mâu-
Ni Phật và các đức Phật
dưới cây báu hiện sức
thần thông mãn trăm
nghìn năm vậy sau mới
hoàn nhiếp tướng lưỡi,

đồng thời tăng hắng cùng

trees also put forth their vast and
long tongues and emitted limitless
lights.

When Shakyamuni Buddha and
the Buddhas beneath the jeweled
trees had manifested their spiritual
powers for a full hundred
thousand years, they withdrew
their tongues.

Then they coughed and snapped



chung khảy móng tay, hai tiếng vang đó khắp đến cõi nước của các đức Phật trong mười phương, đất đều sáu điệu vang động, chúng sanh trong đó: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhơn cùng phi-nhơn v.v... nhờ sức thần của Phật đều thấy

their fingers, and those two sounds pervaded the Buddha worlds of the ten directions.

The earth quaked in six ways and the living beings in those worlds—the gods, dragons, yakshas, gandharvas, asuras, garudas, kinnaras, mahoragas, humans, non-humans, and so forth—by means of the Buddha’s spiritual powers, all saw, in the



trong cõi Ta-bà này vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức các đức Phật ngồi trên tòa sư-tử dưới những cây báu và thấy đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật cùng đức Đa-Bảo Như-Lai, ngồi trên tòa sư-tử trong tháp báu.

Lại thấy vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức

Saha world, the limitless, boundless, hundreds of thousands of myriads of kotis of Buddhas seated on lion thrones beneath jeweled trees. They also saw Shakyamuni Buddha, together with the Thus Come One Many Jewels, seated on the lion throne within the jeweled stupa.

They further saw limitless, boundless, hundreds of thousands



vị đại Bồ-Tát và hàng tứ chúng cung kính vây quanh đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật, đã thấy thế rồi đều rất vui mừng được điều chưa từng có.

Tức thời hàng chư thiên ở giữa hư không lớn tiếng xưng rằng: “Cách đây vô lượng vô biên

of myriads of kotis of Bodhisattvas Mahasattvas, as well as the four assemblies, reverently circumambulating Shakyamuni Buddha. Having seen this, they greatly rejoiced, having gained what they had never had.

Just then the gods in space called out in a loud voice: “Passing from here through limitless, boundless, hundreds of thousands of myriads



trăm nghìn muôn ức vô
số thế giới có nước tên
Ta-bà trong đó có Phật
hiệu Thích-Ca Mâu-Ni
hiện nay vì các đại Bồ-
Tát nói kinh Đại-thừa tên
“Diệu-Pháp Liên-Hoa” là
pháp giáo hóa Bồ-Tát
được chư Phật hộ niệm,
các ông phải thâm tâm
tùy hỷ, cũng nên lễ bái

of kotis of asamkhyeyas of
worlds, there is a country called
Saha. Within it is a Buddha named
Shakyamuni who now, for the
sake of all the Bodhisattvas
Mahasattvas, proclaims a Great
Vehicle Sutra by the name of the
Wonderful Dharma Lotus Flower,
a Dharma for teaching
Bodhisattvas, of whom the
Buddha is protective and mindful.
You should all rejoice deep within



cúng dường đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật”.

Các chúng sanh đó nghe tiếng nói giữa hư không rồi, chắp tay xoay về cõi Ta-bà nói thế này: “Nam-mô Thích-Ca Mâu-Ni Phật, Nam-mô Thích-Ca Mâu-Ni Phật”.

Dùng các món hoa hương, chuỗi ngọc, phan,

your hearts, bow, and make offerings to Shakyamuni Buddha.”

Hearing this sound in space, all the living beings placed their palms together, faced the Saha world, and said, “Namo Shakyamuni Buddha! Namo Shakyamuni Buddha!”

And then from afar, they scattered all kinds of flowers, incense,



lọng và các đồ trang
nghiêm nơi thân, những
vật tốt bằng trân báu, đều
đồng với rải vào cõi Ta-
bà. Các vật rải đó từ
mười phương đến thí như
mây nhóm, biến thành
màn báu trùm khắp trên
các đức Phật ở trong đây.

Bảy giờ mười phương
cõi nước thông đạt không

beads, banners, canopies,
ornaments for the body, and
precious and rare objects on the
Saha world. The objects they
scattered came from the ten
directions like clouds gathering,
and turned into jeweled canopies,
completely covering the Buddhas
in that region.

Then the worlds of the ten
directions interpenetrated without



ngại như một cõi Phật.

3. (không thấy đoạn có số thứ tự này)

4. Khi đó, Phật bảo đại chúng bậc thượng hạnh Bồ-Tát thấy: “Thần lực của các đức Phật vô lượng vô biên bất-khả tư-nghì như thế; nếu ta dùng thần lực đó trong vô

obstruction, as if they were one Buddhaland.

4. At that time the Buddha told Superior Conduct and all the great assembly of Bodhisattvas, “The spiritual power of all the Buddhas is limitless, boundless, and inconceivable like this. If, using these spiritual powers, I were to



lượng vô biên trăm nghìn
muôn ức vô số kiếp, vì
đề chúc lữ mà nói công
đức của kinh này vẫn
chẳng hết được.

Tóm nói đó, tất cả pháp
của Như-Lai có, tất cả
thần lực tự tại của Như-
Lai, tất cả tạng bí yếu
của Như-Lai, tất cả việc

speak of the meritorious virtues of
this Sutra for limitless, boundless,
hundreds of thousands of myriads
of kotis of asamkhyeya eons by
way of entrustment, I could not
finish.”

“In general, all the Dharmas of the
Thus Come One, all the sovereign
spiritual powers of the Thus Come
One, all the secret storehouses of
the Thus Come One, all the



rất sâu của Như-Lai, đều tuyên bày rõ nói trong kinh này, cho nên các ông sau khi Như-Lai diệt độ, phải một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, đúng như lời nói mà tu hành.

Cõi nước chỗ nào nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép đúng

extremely profound deeds of the Thus Come One are all proclaimed and revealed in this Sutra. Therefore, all of you, after the passing of the Thus Come One, should with a single mind receive, uphold, read, recite, and explain it, write it out, and cultivate it as spoken.

Those who receive, uphold, read, recite, explain, write out, and cultivate it as spoken, in whatever



như lời tu hành, hoặc là chỗ có quyển kinh, hoặc trong vườn, hoặc trong rừng, hoặc dưới cây, hoặc Tăng phòng, hoặc nhà bạch y (7) hoặc ở điện đường, hoặc núi hang đồng trống, trong đó đều nên dựng tháp cúng dường.

Vì sao? Phải biết chỗ đó,

land they may be, in a place where the Sutra is kept, whether in a garden, in a forest, or beneath a tree; in a Sangha dwelling; in the dwelling of the white-robed; in a palace or hall; or in the mountains, valleys, or wilderness—in all of these places they should build a stupa and make offerings.”

“For what reason? You should



chính là đạo tràng, các đức Phật ở đây mà được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, các đức Phật ở đây mà chuyển pháp-luân, các đức Phật ở đây mà nhập Niết-bàn”.

Lúc đó, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

know that this place is a Way-place wherein all Buddhas gain Anuttarasamyaksambodhi, wherein all Buddhas turn the Dharma-wheel, and wherein all Buddhas enter Nirvana.”

At that time the World Honored One, wishing to restate this meaning, spoke verses, saying,



5. Các Phật, đáng cứu
thế
Trụ trong thần thông
lớn
Vì vui đẹp chúng sanh
Hiện vô lượng thần
lực:
Tướng lưỡi đến Phạm-
thiên
Thân phóng vô số quang
Vì người cầu Phật
đạo

5. “The Buddhas, ones who save
the world,
Dwelling in great spiritual
penetrations,
In order to delight living beings,
Manifest limitless spiritual
powers.
Their tongues reach to the Brahma
Heavens,
Their bodies emit countless lights.
For the sake of those who seek the
Buddha Way.



Hiện việc ít có
này.
Tiếng tăng hắng của
Phật
Cùng tiếng khảy móng
tay
Khắp vang mười phương
cõi
Đất đều sáu món động.
Sau khi Phật diệt độ
Người trì được kinh này
Các Phật đều vui mừng

They make appear these rare
events
The sounds made when the
Buddhas cough
And the sounds made when they
snap their fingers
Are heard throughout the lands of
the ten directions
As the earth quakes in six ways.
Since after the Buddha's passing
One can uphold this Sutra,
All Buddhas rejoice



Hiện vô lượng thần
lực.
Vì chúc lữ kinh này
Khen ngợi người thọ
trì
Ở trong vô lượng
kiếp
Vẫn còn chẳng hết được.
Công đức của người
đó
Vô biên vô cùng tận

And display limitless spiritual
powers.
In order to bequeath this Sutra,
He praises those who receive and
hold it.
Doing so throughout limitless
eons,
Still he cannot finish.
The merit and virtue of these
people
Is boundless and infinite,



Như mười phương hư
không
Chẳng thể được ngăn mé.
Người trì được kinh này
Thời là đã thấy Ta
Cũng thấy Phật
Đa-Bảo
Và các Phật phân thân.
Lại thấy ta ngày nay
Giáo hóa các
Bồ-Tát

Like space in the ten directions,
Without any boundary.
Those who can uphold this Sutra
Have already seen me
And also seen the Buddha Many
Jewels
And all of the division-bodies.
They also see me on this day
Teaching and transforming the
Bodhisattvas.



Người trì được kinh này
Khiến ta và phân thân
Phật Đa-Bảo diệt
độ
Tất cả đều vui mừng.
Mười phương Phật hiện
tại
Cùng quá khứ vị lai
Cũng thấy cũng cúng
dường
Cũng khiến được vui
mừng.

Those who can uphold this Sutra
Cause me and my division-bodies
And the previous Buddha Many
Jewels,
To all rejoice.
To the Buddhas of the ten
directions—in the present,
The past, and the future—
They shall also see and make
offerings
Causing them to rejoice as well.



Các Phật ngồi đạo
tràng
Pháp bí yếu đã
được.

Người trì đọc kinh
này
Chẳng lâu cũng sẽ
được

Người trì được kinh này
Nơi nghĩa của các pháp
Danh tự và lời lẽ

The secret and essential Dharma
obtained
by the Buddhas seated in their
places of practice.

Will also be gained before too
long
By those who can uphold this
Sutra.

Those who can uphold this Sutra
The meaning of the Dharmas,
Their names and expressions,



Ưa nói không cùng
tận.

Như gió trong hư
không
Tất cả không chướng
ngại.

Sau khi Như-Lai
diệt
Biết kinh của Phật
nói
Nhân duyên và thứ
đệ

Will take delight in speaking,
without end,
Like the wind blowing through
space,
Without obstacle.

After the Thus Come One's
passing,
They will understand the Sutras
spoken by the Buddha,
The causes and conditions in
sequence,



Theo nghĩa nói như
thật.

Như ánh sáng nhật
nguyệt

Hay trừ các tối tăm
Người đó đi trong
đời

Hay dứt tối chúng
sinh

Dạy vô lượng Bồ-Tát

And speak them truly, according
with their meanings.

Like the light of the sun and moon

Dispelling all darkness,
These people walk through the
world

Dispersing the darkness of living
beings,

Teaching limitless Bodhisattvas



Rốt ráo trụ nhứt
thừa.

Cho nên người có trí
Nghe công đức lợi
này
Sau khi ta diệt độ
Nên thọ trì kinh này
Người đó ở Phật
đạo
Quyết định không có
nghĩ.

Ultimately to dwell in the One
Vehicle.

Therefore, those with wisdom,
Hearing the advantages of this
merit and virtue,
Should, after my passing,
Receive and uphold this Sutra.
These people most certainly and
without a doubt
Will attain the Buddha Way.”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 6

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume VI

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “CHỨC LUY” THỨ HAI MƯỜI HAI

1. Lúc bấy giờ, đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật từ nơi pháp tòa đứng dậy, hiện sức thần thông lớn: dùng tay mặt xoa đánh của vô lượng đại Bồ-Tát mà nói rằng: “Ta ở trong

The Entrustment Chapter 22

1. At that time Shakyamuni Buddha rose from his Dharma seat and manifested great spiritual power. With his right hand he patted the crowns of limitless Bodhisattvas Mahasattvas and said, “Throughout limitless



vô lượng trăm nghìn
muôn ức vô số kiếp tu
tập pháp vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác
khó được này, nay đem
phó chúc cho các ông,
các ông nên phải một
lòng lưu bố pháp này làm
cho thêm nhiều rộng”.

Phật ba phen xoa đánh
các đại Bồ-Tát như thế

hundreds of thousands of myriads
of kotis of asamkhyeyas of eons, I
have cultivated and practiced the
rare Dharmas of
Anuttarasamyak-sambodhi. I now
entrust them to all of you. You
should, with a single mind,
propagate this Dharma, causing it
to spread and grow extensively.”

“In this way he patted the
Bodhisattvas Mahasattvas on the



mà nói rằng: “Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp tu tập pháp vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông; các ông phải thọ trì, đọc tụng rộng tuyên nói pháp này cho tất cả chúng sanh đều được nghe biết”.

crown three times, saying, “Throughout limitless hundreds of thousands of myriads of kotis of asamkhyeyas of eons, I have cultivated and practiced the rare Dharmas of Anuttara-samyak-sambodhi. I now entrust them to all of you. You should receive, uphold, read, recite, and vastly proclaim this Dharma, causing all living beings to hear and understand it.”



Vì sao? Đức Như Lai có lòng từ bi lớn, không có tánh bõn sẽn, cũng không sợ sệt, có thể cho chúng sanh trí huệ của Phật, trí huệ của Như-Lai, trí huệ tự nhiên. Như-Lai là vị đại thí chủ cho tất cả chúng sanh, các ông cũng nên thọ học pháp của Như-Lai, chớ sanh lòng bõn sẽn.

“For what reason? The Thus Come One is greatly kind and compassionate, without stinginess and without fear. He is able to give living beings the wisdom of the Buddha, the wisdom of the Thus Come One, and spontaneous wisdom. The Thus Come One is a great giving host to all living beings. You should all accordingly study the Dharmas of the Thus Come One and never be stingy.”



Ở đời vị lai nếu có người thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn nào tin trí huệ của Như-Lai, thời các ông phải vì đó diễn nói kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa này khiến đều được nghe biết, vì muốn cho người đó được trí huệ của Phật vậy.

“In the future, if there is a good man or a good woman who believes in the Thus Come One’s wisdom, you should expound the Dharma Flower Sutra to that person, causing the person to hear and understand and obtain the Buddha’s wisdom.



Nếu có chúng sanh nào chẳng tin nhận thì phải ở trong pháp sâu khác của Như-Lai chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng, các ông nếu được như thế thì là đã báo được ơn của các đức Phật.

2. Lúc đó, các vị đại Bồ-Tát nghe Phật nói thế rồi,

If there are living beings who do not believe or accept it, you should instruct them with another of the profound Dharmas of the Thus Come One, benefiting them and causing them to rejoice. If you can do this, you will have already repaid the kindness of the Buddhas.”

2. When the Bodhisattvas Mahasattvas heard the Buddha's



đều rất vui mừng khắp
đây nơi thân càng thêm
cung kính, nghiêng mình
cúi đầu chấp tay hướng
Phật, đồng lên tiếng bạch
rằng: “Như lời Thế-Tôn
dạy, chúng con sẽ vâng
làm đầy đủ, kính xin
Thế-Tôn chớ có lo”.

Các chúng đại Bồ-Tát ba
phen như thế, đều lên

words, profuse joy permeated their
bodies. With increasing reverence,
they bowed their heads, placed
their palms together, faced the
Buddha, and said in unison, “We
shall reverently carry out the
World Honored One’s command.
Yes, World Honored One, pray do
not be concerned about this.” The
assembly of Bodhisattvas
Mahasattvas spoke in this way
three times, saying, “We shall



tiếng bạch rằng: “Nhu lời Thế-Tôn dạy, chúng con sẽ vâng làm đầy đủ, kính xin đức Thế-Tôn chớ có lo”.

Khi đó đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật khiến các đức Phật phân thân ở mười phương đến, đều trở về bốn độ mà nói rằng: “Các Phật đều về

reverently carry out the Buddha’s command. Yes, World Honored One, pray do not be concerned about this.”

At that time Shakyamuni Buddha sent the division-body Buddhas of the ten directions back to their own lands, saying, “Peace to all of you Buddhas. Let the stupa of the Buddha Many-Jewels be again as



yên chỗ, tháp của Phật Đa-Bảo được hoàn như cũ”.

3. Phật nói lời đó rồi, vô lượng các đức Phật phân thân ở mười phương ngồi trên tòa sư-tử dưới cây báu, và Phật Đa-Bảo, cùng vô biên vô số đại chúng Bồ-tát, bậc thượng hạnh thầy, ngài Xá-Lợi-

it was.”

3. As he said this, the limitless division-body Buddhas of the ten directions, seated on lion thrones beneath jeweled trees; the Buddha Many-Jewels; Superior Conduct and the limitless asamkhyeyas of Bodhisattvas in the great assembly; Shariputra and the other



Phật v.v... bốn chúng
hàng Thanh-văn và tất cả
trong đời: Trời, người,
A-tu-la v.v... nghe Phật
nói rồi đều rất vui mừng.

Hearers; as well as the fourfold
assembly and all those in the
world—the gods, humans, asuras,
and so forth—hearing what the
Buddha words, all rejoiced
exceedingly.



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 6

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume VI

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>



- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “DƯỢC-
VƯƠNG BỒ-TÁT BỒN-
SỰ” THỨ HAI MƯỜI
BA

1. Lúc bảy giờ, ngài Tú-
Vương-Hoa Bồ-Tát bạch
Phật rằng: “Thế Tôn!
Ngài Dược-Vương Bồ-
Tát dạo đi nơi cõi Ta-bà

The Former Deeds of Medicine
King Bodhisattva
Chapter 23

1. At that time the Bodhisattva
Constellation-King-Flower spoke
to the Buddha saying, “World
Honored One, how is it that the
Bodhisattva Medicine King roams



như thế nào? Thế Tôn!
Ngài Dược-Vương Bồ-
Tát đó, có bao nhiêu
nghìn muôn ức na-do-tha
hạnh khổ khó làm?

Hay thay Thế Tôn!
Nguyện giải nói cho một
ít, các hàng trời, rồng,
thần, Dạ-xoa, Càn-thát-

throughout the Saha world? World
Honored One, Medicine King
Bodhisattva has undertaken so
many hundreds of thousands of
myriads of kotis of nayutas of
bitter practices, so difficult to
practice.”

“It would be excellent, World
Honored One, if you would please
explain a bit. All the gods,
dragons, yakshas, gandharvas,



bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhọn, cùng phi-nhơn v.v... và các vị Bồ-Tát ở các nước khác đến, cùng chúng Thanh-văn đây nghe đều vui mừng”.

2. Lúc đó, Phật bảo ngài Tú-Vương-Hoa Bồ-Tát rằng: “Về thuở quá khứ vô lượng hằng-hà-sa kiếp

asuras, garudas, kinnaras, mahoragas, humans, non-humans, and so forth, and the Bodhisattvas who have come from other lands, as well as the assembly of Hearers, on hearing it, will rejoice.”

2. The Buddha then told the Bodhisattva Constellation-King-Flower “Once, as many eons ago as there are grains of sand in



trước, có Phật hiệu Nhựt-
Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức
Như-Lai,
Ứng-cúng,
Chánh-biến-tri,
Minh-hạnh-túc,
Thiện-thệ,
Thế-gian-giải,
Vô-thượng-sĩ,
Điều-ngự-trượng-phu,
Thiên-nhân sư,
Phật Thế-Tôn.

limitless Ganges rivers, there was
a Buddha by the name of Virtue
Pure and Bright Like the Sun and
Moon, Thus Come One, One
Worthy of Offerings, One of Right
and Universal Knowledge, One
Perfect in Clarity and Conduct,
Well-Gone One Who Understands
the World, Unsurpassed Lord,
Regulating Hero, Teacher of
Humans and Gods, Buddha,
World Honored One.



Phật đó có tám mươi ức
đại Bồ-Tát, bảy mươi hai
hàng-hà-sa chúng đại
Thanh-văn. Phật sống lâu
bốn muôn hai nghìn kiếp,
Bồ-Tát sống lâu cũng
bằng Phật. Nước đó
không có người nữ, địa-
ngục, nga-quỷ, súc-sanh,
A tu la v.v... và với các
khổ nạn.

That Buddha had eighty kotis of
great Bodhisattvas, Mahasattvas,
and a great assembly of Hearers
equal in number to the sand grains
in seventy-two Ganges Rivers. His
life span as a Buddha was forty-
two thousand eons. The life spans
of the Bodhisattvas were the same.
In his country there were no
women, hell-beings, hungry
ghosts, animals, or asuras, and so
forth, and also no difficulties.



Đất bằng như bàn tay,
chất lưu ly làm thành,
cây báu trang nghiêm,
màn báu trùm lên, thòng
các phan báu đẹp, bình
báu, lò hương khắp cùng
cả nước, bảy món báu
làm đài, một cây có một
đài, cây đó cách đài đều
một lần tên. Các cây báu
đó đều có Bồ-Tát,
Thanh-văn ngồi ở dưới.

The ground was as level as the
palm of one's hand, made of
Vaidurya, adorned with jeweled
trees, covered with jeweled nets,
and hung with beautiful banners.
It was surrounded everywhere
with precious vases and censers.
There were terraces made of the
seven gems, one terrace for each
tree, the trees being separated
from the terraces by a distance of
an arrow's flight. Beneath each



Trên các đài báu đều có trăm ức chư thiên trời kỹ nhạc trời, ca khen đức Phật để làm việc cúng dường.

3. Bảy giờ, đức Phật đó vì ngài Nhứt-Thiết Chúng-Sanh Hỷ-Kiến Bồ-Tát cùng chúng Bồ-Tát và chúng Thanh-văn

tree sat Bodhisattvas and Hearers. Upon each of the terraces were hundreds of kotis of gods playing heavenly music and singing praises to the Buddha as an offering.”

3. At that time, that Buddha, for the sake of the Bodhisattva All Beings Delight in Seeing, as well as for the host of Bodhisattvas and the host of Hearers, spoke The



nói kinh Pháp-Hoa.

Ngài Nhứt-Thiết Chúng-Sanh Hỷ-Kiến Bồ-Tát đó ưa tu tập khổ hạnh, ở trong pháp hội của đức Nhứt-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức Phật, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật, mãi một muôn hai nghìn năm được “Hiện-nhứt-thiết-

Dharma Flower Sutra.

The Bodhisattva All Beings Delight in Seeing enjoyed practicing ascetic practices. Within the Dharma of the Buddha Virtue Pure and Bright Like the Sun and Moon, he applied himself with vigor, single-mindedly seeking Buddhahood for a full twelve thousand years. He then obtained the samadhi of the



sắc-thân-tam-muội”.

Được tam muội đó rồi lòng rất vui mừng, liền nghĩ rằng: “Ta được ‘Hiện-nhứt-thiết-sắc-thân-tam-muội’ này đều là do sức được nghe kinh Pháp-Hoa, ta nay nên cúng dường Nhứt-Nguyệt-Tịnh-

manifestation of all physical forms.

Having obtained this samadhi, his heart rejoiced greatly and he immediately thought, “I have obtained the samadhi of the manifestation of all physical forms. This is through the power of having heard The Dharma Flower Sutra. I should now make an offering to the Buddha Virtue



Minh-Đức Phật và kinh Pháp-Hoa”.

Tức thời nhập tam muội đó, ở giữa hư không rưới hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, cùng bột kiên-hắc chiên-đàn đầy trong hư không như mây mà rưới xuống. Lại rưới hương hải-thử-ngạn

Pure and Bright Like the Sun and Moon, and to The Dharma Flower Sutra.”

He then entered that samadhi and as an offering to the Buddha, he rained down mandarava flowers and mahamandarava flowers from space. Finely ground, hard, black chandana also filled the sky and descended like clouds. And there rained the incense of ‘this shore’



chiên-đàn, sáu thù (8) hương này giá trị cõi Ta-bà để cúng dường Phật. Cúng dường thế đó rồi, từ tam-muội dậy mà tự nghĩ rằng: “Ta dầu dùng thần lực cúng dường nơi Phật, chẳng bằng dùng thân cúng dường”. Liền uống các chất thơm; chiên-đàn, huân-lục, đầu-lâu-bà, tất-lục-ca, trầm-

chandana, six karshas of which are worth the entire Saha world, as an offering to the Buddha. Having made this offering, he arose from samadhi. He thought to himself, “Although by means of spiritual powers I have made this offering to the Buddha, it is not as good as offering my body.” He then swallowed incense of many kinds, chandana, kunduruka, turushka, prikka, aloeswood, and



thủy-giao-hương; lại
uống dầu thơm các thứ
hoa chiêm-bạc v.v... mãi
một nghìn hai trăm năm,
rồi lấy dầu thơm xoa thân
ở trước đức Nhứt-
Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức
Phật dùng y báu cõi trời
mà tự quấn thân, rưới các
thứ dầu thơm, dùng sức
nguyện thần thông mà tự
đốt thân.

resin incense. He also drank the
oil of champaka and other flowers,
for a full twelve hundred years. He
smeared himself with fragrant oil,
and in the presence of the Buddha
Virtue Pure and Bright Like the
Sun and Moon, he wrapped
himself in heavenly jeweled robes
and poured fragrant oil over
himself. Then by means of
spiritual penetration power and
vows, he burned his own body.



Ánh sáng khắp soi cả
tám mươi ức hằng-hà-sa
thế giới,

các đức Phật trong đó
đồng thời khen rằng:
“Hay thay! Hay thay!
Thiện-nam-tử! Đó là
chân thật tinh tấn gọi là
chân pháp cúng dường
Như-Lai. Nếu dùng hoa

The light shone everywhere
throughout worlds in number to
the grains of sand in eighty kotis
of Ganges Rivers.

Within them all, the Buddhas
simultaneously praised him,
saying, “Good indeed! Good
indeed! Good man, this is true
vigor. This is called a true Dharma
offering to the Thus Come One.
Offerings of flowers, incense,



hương chuỗi ngọc hương
đốt, hương bột, hương
xoa, phan, lọng, bằng lụa
cõi trời và hương hải-
thử-ngạn chiêm-đàn, dùng
các món vật cúng dường
như thế đều chẳng bằng
được.

Giả sử quốc thành thê tử
bồ thí cũng chẳng bằng.
Thiện-nam-tử! Đó gọi là

beads, burning incense, ground
incense, paste incense, heavenly
cloth, banners, canopies, ‘this
shore’ chandana incense, and all
such offerings of various kinds,
cannot come up to it.

If one gave away one’s countries,
cities, wives and children, that
also could not match it. Good



món thí thứ nhất, ở trong các món thí rất tôn rất thượng, bởi dùng pháp cúng dường các đức Như-Lai vậy”, các đức Phật nói lời đó rồi đều yên lặng.

Thân của Bồ-Tát lửa cháy một nghìn hai trăm năm, qua sau đó lúc đó thân Bồ-Tát mới hết.

man, this is called foremost giving. Among all gifts, it is the most honored and most supreme, because it is an offering of the Dharma to the Thus Come Ones.” Having uttered these words, they became silent.

His body burned for twelve hundred years, after which time it was consumed.



4. Ngài Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh Hỷ-Kiến Bô-Tát, làm việc pháp cúng dường như thế xong, sau khi mạng chung, lại sanh trong nước của Nhật-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức Phật, ở nơi nhà vua Tịnh-Đức bỗng nhiên ngồi xếp bằng hóa sanh ra, liền vì vua cha mà nói kệ rằng:

4. When the Bodhisattva All Beings Delight in Seeing had made this Dharma offering and his life had come to an end, he was born again. In the country of the Buddha Virtue Pure and Bright Like the Sun and Moon, in the household of the King Pure Virtue, he was born suddenly by transformation, seated in full lotus. He immediately spoke this verse to his father:



Đại vương nay nên
biết!

Tôi kinh hành chốn kia
Tức thời được nhứt thiết
Hiện chư thân tam-
muội

Siêng tu rất tinh tấn
Bỏ thân thể đáng yêu
Cúng dường đức Thế-
Tôn
Để cầu huệ vô
thượng.

“Your majesty, you should now
know:

I, cultivating in that place,
All at once attained
The samadhi of the manifestation
of all forms.

Diligently practicing great vigor,
I renounced the body I cherished,
As an offering to the World
Honored One,
In order to seek supreme
wisdom.”



Nói kệ đó rồi thưa vua cha rằng: “Đức Nhật-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức Phật nay vẫn hiện còn, tôi trước cúng dường Phật xong, được “Giải-nhứt-thiết chúng-sanh ngữ-ngôn đà-la-ni” lại nghe kinh Pháp-Hoa này tám trăm nghìn muôn ức na-do-tha, chân-ca-la, tần-bà-la, a-súc-bà (A)

Having spoken this verse, he said to his father, “The Buddha Virtue Pure and Bright Like the Sun and Moon is still present from of old. Formerly, after making an offering to that Buddha, I gained the dharani of understanding the speech of all living beings. I further heard The Dharma Flower Sutra with its eight hundred thousand myriads of kotis of nayutas of kankaras, vivaras,



các bài kệ.

Đại-Vương! Tôi nay lại
nên cúng dường đức Phật
đó”.

Thưa xong, liền ngồi đài
bảy báu, bay lên hư
không cao bằng bảy cây
đa-la, qua đến chỗ Phật
đầu mặt lạy chân,

akshobhyas and so forth of verses.

Great King, I should now return
and make offerings to this
Buddha.”

Just then he sat on a platform
made of the seven treasures, rose
up into space to the height of
seven tala trees, went into the
Buddha’s presence, bowed with
his head at the Buddha’s feet,



chấp (*mười ngón*) tay nói
kệ khen Phật:

Dung nhan rất đẹp
lạ
Ánh sáng soi mười
phương
Con vừa từng cúng
dường
Nay lại về thân
thấy.

placed his ten fingers together,
and spoke this verse in praise of
the Buddha:

“How amazing and rare the
countenance,
With its light shining in ten
directions!
I formerly made offerings
To you to whom I now behold
once again.”



5. Lúc đó, ngài Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến Bô-Tát nói kệ xong mà bạch Phật rằng: “Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn vẫn còn ở đời ư?”.

Bấy giờ, đức Nhật-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức Phật bảo ngài Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến Bô-Tát rằng:

5. When the Bodhisattva All Beings Delight in Seeing had spoken this verse, he then spoke to the Buddha saying, “World Honored One! World Honored One! You are still in the world!”

The Buddha Virtue Pure and Bright Like the Sun and Moon told the Bodhisattva All Beings Delight in Seeing, “Good man, the time of my Parinirvana has



“Thiện-nam-tử! Giờ ta nhập Niết-bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến, ông nên sắp đặt giường tòa. Ta trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn”.

Phật lại bảo ngài Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến Bô-Tát rằng:
“Thiện-nam-tử! Ta đem Phật pháp giao phó cho

arrived. The time for my passing into stillness has arrived. You can arrange my couch, for tonight I shall enter Parinirvana.”

He further commanded the Bodhisattva All Beings Delight in Seeing, “Good man, I entrust you, all the Bodhisattvas and great disciples, with the Buddhadharma,



ông, và các Bồ-Tát đại đệ tử cùng pháp vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, cũng đem cõi thất bảo tam-thiên đại-thiên, các cây báu, đài báu và hàng chư thiên cung cấp hầu hạ đều giao phó cho ông. Sau khi ta diệt độ có bao nhiêu xá-lợi cũng phó chúc cho ông, nên làm lưu bố rộng bày các việc

and also with the Dharma of Anuttarasamyaksambodhi. I also entrust to you the worlds of the seven treasures throughout the three thousand great thousand world systems, with their jeweled trees, jeweled terraces, and gods in waiting. After my passing into stillness, I also entrust you with all my sharira. You should distribute them and vastly make offerings to them. You should build several



cúng dường, nên xây bao
nhiều nghìn tháp”.

Đức Nhật-Nguyệt-Tịnh-
Minh-Đức Phật bảo ngài
Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-
Hỷ-Kiến Bồ-Tát như thế
rồi, vào khoảng cuối đêm
nhập Niết-bàn.

6. Lúc đó, ngài Nhứt-
Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-

thousand stupas.”

In this way, the Buddha Virtue
Pure and Bright Like the Sun and
Moon having commanded the
Bodhisattva All Beings Delight in
Seeing, in the last watch of the
night entered Nirvana.

6. Seeing the Buddha pass
into stillness, the Bodhisattva was



Kiến Bồ-Tát thấy Phật diệt độ buồn cảm sâu khổ, luyến mộ nơi Phật, liền dùng hải-thử-ngạn chiên-đàn làm giàn để cúng dường thân Phật mà thiêu đó.

Sau khi lửa tắt, thâu lấy xá-lợi đựng trong tám muôn bốn nghìn bình báu, để xây tám muôn

sorely grieved and longed for the Buddha. He then built a pyre of ‘this shore’ chandana incense as an offering to that Buddha’s body, and set it on fire.

When the fire had consumed itself, he collected the sharira, made eighty-four thousand jeweled urns and built eighty-four



bốn nghìn tháp cao ba
thế giới, chung dọn trang
nghiêm thòng các phan
lọng treo các linh báu.

Bấy giờ, ngài Nhứt-
Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-
Kiến Bồ-Tát lại tự nghĩ
rằng: “Ta dầu làm việc
cúng dường đó lòng còn
chưa đủ, ta nay lại nên
cúng dường xá-lợi”.

thousand stupas, three worlds in
height, adorned with poles, from
which hung banners, canopies,
and many jeweled bells.

The Bodhisattva All Beings
Delight in Seeing then further
thought to himself, “Although I
have made this offering, my heart
is not yet satisfied. I should now
make further offerings to the
sharira.”



Liên nói với các Bồ-Tát
đại đệ tử và trời, rồng,
Đạ-xoa v.v... tất cả đại
chúng rằng:
“Các ông phải một lòng
ghi nhớ, tôi nay cúng
dường xá-lợi của đức
Nhật-Nguyệt-Tịnh-Minh-
Đức Phật”.

Nói xong liền ở trước
tám muôn bốn nghìn tháp

He then spoke to the Bodhisattvas
and great disciples, to the gods,
the dragons, the yakshas, and so
forth in the great assembly,
saying, “All of you pay attention,
and bring your thoughts to one, for
I am now going to make offerings
to the sharira of the Buddha Virtue
Pure and Bright Like the Sun and
Moon.”

Having said that, in front of the
eighty-four thousand stupas, as an



đốt cánh tay trăm phước
trang nghiêm, mãn bảy
muôn hai nghìn năm để
cúng dường.

Khiến vô số chúng cầu
Thanh-văn, vô lượng vô
số người phát tâm vô-
thượng chánh-đẳng
chánh-giác, đều làm cho
trụ trong “Hiện-nhứt-
thiết-sắc-thân tam-muội”.

offering he burned his arms, with
their adornments of a hundred
blessings, for seventy-two
thousand years thereby causing
countless multitudes of hosts
seeking to be Hearers, and
limitless asamkheyas of people to
bring forth the resolve for
Anuttarasamyaksambodhi, and
enabling them to dwell in the
samadhi of the manifestation of all
physical forms.



Lúc đó, các BỒ-Tát, trời, người, A-tu-la v.v... thấy ngài không có tay bèn sầu khổ buồn thương mà nói rằng: “Ngài Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến BỒ-Tát này là thầy chúng ta, giáo hóa chúng ta, mà nay đứt tay, thân chẳng đầy đủ”.

Lúc ấy, Ngài Nhứt-Thiết-

At that time all the Bodhisattvas, gods, humans, asuras and so forth, seeing him without arms, were smitten with grief and said, “The Bodhisattva All Beings Delight in Seeing is our teacher. He has taught and transformed us, and now his arms are burnt off and his body deformed.”

Then the Bodhisattva All Beings



Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến
Bồ-Tát ở trong đại chúng
lập lời thề rằng: “Tôi bỏ
hai tay ắt sẽ được thân
sắc vàng của Phật, nếu
thật không dối, thời
khiến hai tay tôi hoàn
phục, như cũ”.

Nói lời thề xong hai tay
tự nhiên hoàn phục, đó là
do phước đức trí huệ

Delight in Seeing made this vow
amidst the great assembly, saying,
“Having renounced both of my
arms, I should certainly attain the
Buddha’s golden colored body. If
this is true and not false, both of
my arms should now be restored
to as they were before.”

After he had made this vow, his
arms were spontaneously restored.
This came about through the



thuần hậu của Bồ tát cảm
nên.

Đương lúc đó cõi tam-
thiên đại-thiên thế giới
sáu điệu vang động, trời
rưới hoa báu, tất cả
người, trời được việc
chưa từng có.

7. Đức Phật bảo ngài Tú-

purity and depth of this
Bodhisattva's blessings, virtue,
and wisdom.

The three thousand great thousand
world system then quaked in six
ways. The heavens rained down
jeweled flowers and all the
humans and gods gained what
they had never had before.

7. The Buddha told the



Vương-Hoa Bồ-Tát: “Ý ông nghĩ sao? Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến Bồ-Tát đâu phải người nào lạ, chính nay là ông Dược-Vương Bồ-Tát đó. Ông ấy bỏ thân số nhiều vô lượng trăm nghìn muôn ức na-do-tha như thế.

Tú-Vương-Hoa! Nếu

Bodhisattva Constellation-King-Flower, “What do you think? Was the Bodhisattva All Beings Delight in Seeing anyone else? He was just the present Medicine King Bodhisattva. Gifts of his body, such as this one, number in the limitless hundreds of thousands of myriads of kotis of nayutas.”

“Constellation-King-Flower! If a



người phát tâm muốn
được đạo vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác,
có thể đốt một ngón tay
nhấn đến một ngón chân
để cúng dường pháp của
Phật, hơn đem quốc
thành, thê tử và cõi tam-
thiên đại-thiên: Núi,
rừng, sông, ao, các vật
trân báu mà cúng dường.

person who brings forth the
resolve desiring to obtain
Anuttarasamyaksambodhi can
burn off a finger or a toe as an
offering to a Buddha stupa, his
offering will surpass that of one
who uses as offerings countries,
cities, wives and children or even
the three thousand great thousand
worlds with their mountains,
forests, rivers, ponds and precious
objects.”



Nếu lại có người đem bảy thứ báu đầy cả cõi tam-thiên đại-thiên cúng dường nơi Phật, cùng đại Bồ-Tát, Duyên-giác và A-la-hán, công đức của người đó được, chẳng bằng người thọ trì kinh Pháp-Hoa này nhận đến một bài kệ bốn câu, phước của người này rất nhiều.

“If further, a person filled the three thousand great thousand world system with the seven treasures and offered it to the Buddha, to the great Bodhisattvas, Pratyekabuddhas, and Arhats, the merit and virtue that person would obtain would not be equal to that of one who receives and upholds even a single four-line verse of The Dharma Flower Sutra, for the latter’s blessings are greater by far



8. Tú-Vương-Hoa! Thí như trong các dòng nước: Sông, ngòi, kinh, rạch thời biển là lớn nhất; kinh Pháp-Hoa này cũng như thế, ở trong các kinh của đức Như-Lai nói rất là sâu lớn.

Lại như trong các núi non: Thổ sơn, Hắc sơn, núi tiêu Thiết-vi, núi đại

8. “Constellation-King-Flower! Just as, for example, among all the streams, rivers, and bodies of water, the ocean is foremost, so too, among all the Sutras spoken by the Thus Come One, The Dharma Flower Sutra is the deepest and greatest.”

“Further, just as among Earth Mountain, Black Mountain, the Lesser Iron Ring Mountain, the



Thiết-vi cùng mười núi
báu thời núi Diệu-Cao
bậc nhất, kinh Pháp-Hoa
này cũng như thế, ở trong
các kinh rất là bậc
thượng.

Lại như trong các ngôi
sao, mặt trăng là bậc
nhất, kinh Pháp-Hoa này
cũng như thế, ở trong

Greater Iron Ring Mountain, the
Ten Jeweled Mountains, and the
entire multitude of mountains,
Mount Sumeru is foremost, so too,
among all the Sutras, The Dharma
Flower Sutra is the most
supreme.”

“Further, just as among the stars,
the Moon God is foremost, so, too,
among the thousands of myriads
of kotis of kinds of Sutra



nghìn muôn ức các kinh pháp rất là sáng.

Lại như mặt trời hay trừ các chỗ tối tăm, kinh này cũng thế, hay phá tất cả sự tối bất thiện.

Lại như trong các vua nhỏ, vua Chuyển-luân-thánh-vương rất là bậc nhất, kinh này cũng như

Dharmas, The Dharma Flower Sutra shines the brightest.”

“Further, just as the Sun God can disperse all darkness, so, too, this Sutra can disperse all the darkness of unwholesomeness.”

“Further, just as among the minor kinds, the Wheel-Turning Sage King is foremost, so, too, among the Sutras, this Sutra is the most



thế ở trong các kinh là
bậc tôn kính hơn cả.

Lại như Đế-Thích là vua
trong ba mươi ba cõi trời
(9), kinh này cũng thế, là
vua trong các kinh.

Lại như trời đại Phạm-
thiên-vương là cha của
tất cả chúng sanh, kinh
này cũng thế, là cha của

honored.”

“Further, just as in the Heaven of
the Thirty-three, Lord Shakra is
king, so, too, among the Sutras,
this Sutra is king.”

“Further, just as the great Brahma
God is the father of all living
beings, so, too, is this Sutra the
father of all the worthy sages,



tất cả hiền thánh: Bậc
hữu-học vô-học cùng
hàng phát lòng Bồ-đề.

Lại như trong tất cả
phàm phu thời bậc Dự-
luu, Nhất-lai, Bất-lai,
Vô-sanh, Duyên-giác,
(10) là bậc nhất. Kinh
này cũng thế, tất cả Như-
Lai nói, hoặc Bồ-Tát nói,
hoặc Thanh-văn nói,

those studying, those beyond
study, as well as those who have
brought forth the Bodhisattva
mind.”

“Further, just as among the
common people, the Shrotaapana,
Sakridagamin, Anagamin, Arhat
and Pratyekabuddha are foremost,
so, too, among all Sutra Dharmas
whether spoken by the Thus Come
Ones, by the Bodhisattvas, or by
Hearers, this Sutra is foremost.”



trong các kinh pháp là bậc nhất hơn cả, có người thọ trì được kinh điển này cũng lại như thế, ở trong tất cả chúng sanh cũng là bậc nhất.

Trong tất cả Thanh-văn cùng Duyên-giác, Bồ-Tát là bậc nhất, kinh này cũng thế trong tất cả các

“One who can receive and uphold this Sutra, in the same way, is foremost among all living beings.”

“Just as, among all the Hearers and Pratyekabuddhas, the Bodhisattva is foremost, so, too, among all the Sutra Dharmas, this



kinh pháp rất là bậc nhất.

Như Phật là vua của các pháp, kinh này cũng thế là vua của các kinh.

9. Tú-Vương-Hoa! Kinh này có thể cứu tất cả chúng sanh, kinh này có thể làm cho tất cả chúng sanh xa rời các khổ não, kinh này có thể lợi ích

Sutra is foremost.”

“Just as the Buddha is the king of all Dharmas, so, too, is this Sutra the king of all Sutras.”

9. “Constellation-King-Flower! This Sutra can save all living beings. This Sutra can lead all living beings to separate from suffering and distress. This Sutra can greatly benefit all living



cho tất cả chúng sanh,
đầy mãn chỗ mong cầu
của chúng như ao nước
trong mát có thể đầy đủ
cho những người khát
nước, như kẻ lạnh được
lửa, như kẻ trần truồng
được y phục, như người
buôn được chủ (11), như
con gặp mẹ, như qua
sông gặp thuyền, như
người bệnh gặp thầy

beings, fulfilling their vows.

Just as a clear, refreshing pool can
quench the thirst of all;

as a cold person finds fire;

as a naked person finds clothing;

as a merchant finds customers;

as a child finds its mother;

as a passenger finds a boat;

as a sick person finds a doctor; as

one in a dark place finds a lamp;



thuốc, như tối được đèn, như nghèo gặp của báu, như dân gặp vua (12), như khách (buôn) được biển (13), như đuốc trừ tối. Kinh Pháp-Hoa này cũng thế, có thể làm cho chúng sanh xa rời tất cả khổ, tất cả bệnh tật đau đớn, có thể mở sự trần trối của tất cả sanh tử.

as a poor person finds a jewel; as the people find a king; as a trader finds the sea; as a torch dispels darkness

The Dharma Flower Sutra, in the same way, can cause living beings to leave all suffering, all sicknesses and pain, it can untie all the bonds of birth and death.”



Nếu người được nghe kinh Pháp-Hoa này, hoặc chép, hoặc bảo người chép, được công đức, dùng trí huệ của Phật tính lường nhiều ít chẳng thể được ngăn mé đó.

Nếu chép kinh sách này dùng hoa, hương, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan,

“If a person hears The Dharma Flower Sutra, writes it out himself or employs others to write it out, the limits of the merit and virtue he shall obtain cannot be calculated even by means of the Buddha’s wisdom.”

“If a person writes out this Sutra and makes offerings to it of flowers, incense, beads, burning incense, powdered incense, paste



lọng, y phục, các thứ đèn: Đèn nến, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, đèn dầu chiêm-bặc, đèn dầu tu-mạn-na, đèn dầu ba-la-la, đèn dầu bà-lợi-sur-ca, đèn dầu na-bà-ma-lợi đem cúng dường được công đức cũng là vô lượng.

10. Tú-Vương-Hoa!

incense, banners and canopies, clothing and lamps of various kinds such as butter lamps, oil lamps, and fragrant oil lamps, lamps of champaka oil, lamps of sumana oil, lamps of patala oil, lamps of varshika oil, and lamps of navamalika oil, the merit and virtue obtained is also limitless.”

10. “Constellation-King-Flower, if



Nếu có người nghe phẩm “Dược-Vương Bồ-Tát Bôn-Sự” này cũng được vô lượng vô biên công đức.

Nếu có người nữ nghe phẩm “Dược-Vương Bồ-Tát Bôn-Sự” này mà có thể thọ trì, thì sau khi dứt báo thân đàn bà đó không còn thọ lại nữa.

a person hears this chapter of “The Past Deeds of Medicine King Bodhisattva”, he will also obtain limitless, boundless merit and virtue.

If a woman hears this chapter, “The Past Deeds of Medicine King Bodhisattva” and is able to receive and uphold it, after quitting this woman’s body, she will not undergo one again.



Sau khi Như-Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe kinh điển này, đúng như lời mà tu hành, thì khi ở đây chết liền qua cõi An-Lạc, chỗ trụ xứ của đức A-Di-Đà-Phật (14) cùng chúng đại Bồ-Tát vây quanh, mà sanh trên tòa báu trong hoa sen.

If, after the passing of the Thus Come One, in the last five hundred years, there is a woman who, hearing this Sutra, can cultivate according to its teachings, at the end of her present life, she will go straight to the blissful world of the Buddha Amitayus where she is surrounded by great Bodhisattvas. Born from a lotus flower, seated on a jeweled seat,



Chẳng còn bị lòng tham
dục làm khổ cũng lại
chẳng bị lòng giận dữ,
ngu si làm khổ, cũng lại
chẳng bị lòng kiêu mạn
ghen ghét các tánh như
làm khổ, được thần thông
vô-sanh pháp-nhãn của
Bồ-Tát, được pháp-nhãn
đó thì nhãn căn thanh
tịnh. Do nhãn căn thanh
tịnh đó thấy bảy trăm

this person will never again to be
tormented by desire, tormented by
hate and stupidity, or tormented
by the filth of arrogance and
jealousy. He will obtain the
Bodhisattva's spiritual
penetrations and the patience with
the non-production of Dharmas.
Having obtained this patience, his
eye will be pure. By means of this
pure eye, he will see Buddhas,
Thus Come Ones, equal in number



muôn hai nghìn ức na-
do-tha hăng-hà-sa các
đức Phật Như-Lai.

Bấy giờ, các đức Phật
đồng nói khen rằng:
“Hay thay! Hay thay!
Thiện-nam-tử! Ông có
thể ở trong pháp hội của
đức Thích-Ca Mâu-Ni
Phật mà thọ trì đọc tụng
suy gẫm kinh này vì

to the grains of sand in seven
million two thousands kotis of
nayutas of Ganges Rivers.”

“At that time all the Buddhas will
praise this person from afar
saying, ‘Good indeed, good
indeed! Good man, that within the
Dharma of Shakyamuni Buddha
you can receive, uphold, read,
recite, ponder this Sutra, and
speak it for others. The merit and



người khác nói, ông được công đức vô lượng vô biên, lửa chẳng đốt được, nước chẳng trôi được, công đức của ông, nghìn Phật chung nói chẳng thể hết được.

Ông nay đã có thể phá các giặc ma, hoại quân sanh tử, các oán địch khác thảy đều trừ diệt.

virtue you obtain is limitless and boundless. Fire cannot burn it. Water cannot flood it. Your merit and virtue is such that, if a thousand Buddhas spoke of it together, they could not exhaust it.”

““You have already been able to destroy the thieves of Mara, to ruin the troops of birth and death, and to demolish all remaining enemies.””



Thiện-nam-tử! Trăm nghìn các đức Phật dùng sức thần thông đồng chung thủ hộ ông, tất cả trời người trong đời không ai bằng ông. Chỉ trừ các đức Như-Lai, bao nhiêu thiên định trí huệ của các Thanh-văn, Duyên-giác, nhân đến Bồ-Tát không có ai bằng ông.

““Good man, a hundred thousand Buddhas, with their power of spiritual penetrations, all protect you. In all the world with its gods and humans, there is none like you with the exception of the Thus Come One. The Hearers and Pratyekabuddhas, and even the Bodhisattvas, cannot equal you in wisdom and Dhyana concentration.””



Tú-Vương-Hoa! Vị Bồ-
Tát đó thành tựu sức
công đức trí huệ như thế.

11. Nếu có người nghe
phẩm “Dược-Vương-Bồ-
Tát Bản-Sự” này mà có
thể tùy hỷ khen ngợi, thì
người đó trong thời hiện
tại trong miệng thường
thoảng ra mùi thơm hoa

“Constellation-King-Flower, such
is the power of the merit and
virtue and wisdom accomplished
by this Bodhisattva.”

11. “If a person hears this chapter
“The Past Deeds of Medicine
King Bodhisattva”, and rejoices in
accord, praising its goodness, that
person’s mouth in his present life
will always emit the fragrance of a
blue lotus. The pores of his body



sen xanh; trong lỗ chân lông nơi thân, thường thoảng ra mùi thơm ngưu-đầu chiên-đàn, được công đức như đã nói ở trên.

Tú-Vương-Hoa! Vì thế ta đem phẩm “Dược-Vương Bồ-Tát Bôn-Sự” này chúc lữ cho ông. Năm trăm năm sau khi ta diệt

will always emit the perfume of ox-head chandana. The merit and virtue he obtains will be as described above.”

“Therefore, Constellation-King-Flower, I entrust to you this Chapter, “The Past Deeds of Medicine King Bodhisattva”. After my passing, in the last five



độ phải tuyên nói lưu bố
rộng truyền ở cõi Diêm-
Phù-đề, chớ để dứt mất.
Chớ cho hàng ác ma, dân
ma, các trời, rồng, Dạ-
xoa, Cưu-bàn-trà, v.v...
phá quấy đặng.

Tú-Vương-Hoa! Ông hãy
dùng sức thần thông giữ
gìn kinh này. Vì sao? Vì
kinh này là món lương

hundred years, propagate it
extensively in Jambudvipa. Do no
let it become extinct, thereby
allowing evil demons, demonic
denizens, all the heavenly
dragons, yakshas, kumbhandas
and so forth to get their way.”

“Constellation-King-Flower, you
should use the power of spiritual
penetrations to protect this Sutra.
Why? Because this Sutra is good



được của người bệnh trong cõi Diêm-phù-đề; nếu người có bệnh được nghe kinh này bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Tú-Vương-Hoa! Nếu ông thấy có người thọ trì kinh này, phải dùng hoa sen xanh đựng đầy hương bột rải trên người đó. Rải

medicine for the sicknesses of those in Jambudvīpa. If a sick person gets to hear this Sutra, his sickness will be cured immediately. He will not grow old or die.”

“Constellation-King-Flower, if you see a person who receives and upholds this Sutra, you should scatter blue lotuses filled with powdered incense over him as an



xong nghĩ rằng: “Người này chẳng bao lâu quyết sẽ lấy cỏ trải ngồi nơi đạo tràng, phá các quân ma, sẽ thổi ốc pháp, đánh trống pháp, độ thoát tất cả chúng sanh ra khỏi biển sanh, già, bệnh, chết.

Cho nên người cầu Phật đạo thấy có người thọ trì

offering. Having done that, you should reflect: ‘Before long, this person will certainly lay out a grass mat, sit in the Way-place, vanquish the troops of Mara, blow the Dharma conch, strike the great Dharma drum, and save all living beings from the sea of old age, sickness, and death.

Therefore, when those who seek the Buddha Path see one who



kinh điển này, nên phải sanh lòng cung kính như thế.

12. Lúc đức Phật nói phẩm “Được-Vương Bồ-Tát Bôn-Sự” này, có tám muôn bốn nghìn Bồ-Tát được pháp “Giải nhứt-thiết chúng-sanh ngữ-ngôn đà-la-ni”.

receives and upholds this Sutra, they should bring forth a reverent heart in this way.”

12. When this chapter “The Past Deeds of Medicine King Bodhisattva” was spoken, eighty-four thousand Bodhisattvas obtained the Dharani of understanding the speech of all living beings.



Đức Đa-Bảo Như-Lai ở trong tháp báu, khen ngài Tú-Vương-Hoa Bồ-Tát rằng: “Hay thay! Hay thay! Tú-Vương-Hoa! Ông thành tựu bất-khả tư-nghì công đức mới có thể hỏi đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật việc như thế, làm vô lượng lợi ích cho tất cả chúng sanh”.

From within the jeweled stupa, the Thus Come One Many Jewels praised Constellation-King-Flower Bodhisattva saying, “Good indeed, good indeed, Constellation-King-Flower! You have accomplished such inconceivable merit and virtue that you are able to question Shakyamuni Buddha about matters such as these and to benefit limitless living beings.”



KINH DIỆU-PHÁP LIÊN-HOÀ

Quyển thứ sáu

Tạm trì tùy hỷ thanh tịnh
các căn kíp quên “nhân”
“pháp”, thể thường còn,
thần lực khắp cần khôn
trao phó ân cần: Liễu
thân mạng để báo ân
rộng lớn.



NAM-MÔ PHÁP-HOÀ
HỘI-THƯỢNG PHẬT
BỒ-TÁT (3 lần)

Ngài Di-Lặc Bồ-Tát so
lượng kinh nhân, sáu căn
thanh tịnh hiện thiên-
chân, Bất-Khinh thể
thường còn, vì pháp thiêu
thân cúng dường Phật
Tịnh-Minh.

Nam-Mô Tú-Vương-Hoà
Bồ-Tát. (3 lần)

